

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Hải Linh  
Giảng viên hướng dẫn: TS. Giang Thị Xuyên**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP  
CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Hải Linh  
Giảng viên hướng dẫn: TS. Giang Thị Xuyên**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Hải Linh

Mã SV:110312

Lớp: QT1101K    Ngành: Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại  
Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## MỤC LỤC

<u>LỜI NÓI ĐẦU</u> .....	1
<u>Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP</u> .....	2
<u>1.1. Khái quát về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp</u>	2
<u>1.1.1. Chi phí sản xuất</u> .....	2
<u>1.1.1.1. Khái niệm và bản chất của chi phí sản xuất</u> .....	2
<u>1.1.1.2. Phân loại chi phí</u> .....	3
<u>1.1.2. Giá thành sản phẩm</u> .....	6
<u>1.1.2.1. Khái niệm và bản chất của giá thành</u> .....	6
<u>1.1.2.2. Phân loại giá thành</u> .....	6
<u>1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</u> .....	8
<u>1.1.4. Yêu cầu và nhiệm vụ đối với công tác kế toán chi phí và giá thành sản phẩm</u> .....	9
<u>1.1.4.1. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u> .....	9
<u>1.1.4.2. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u> .....	10
<u>1.2. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u> .....	11
<u>1.2.1. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất</u> .....	11
<u>1.2.1.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất</u> .....	11
<u>1.2.1.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất</u> .....	12
<u>1.2.1.3. Tổ chức kế toán chi tiết tập hợp chi phí sản xuất</u> .....	13
<u>1.2.1.4. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp</u> .....	21
<u>1.2.2. Đánh Giá Sản Phẩm Dở Dạng</u> .....	25
<u>1.2.2.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính trực tiếp</u> .....	25
<u>1.2.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương</u> .....	25

<u>1.2.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức</u> .....	26
<u>1.2.2.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến</u> .....	27
<u>1.2.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm</u> .....	27
<u>1.2.3.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm</u> .....	27
<u>1.2.3.2. Kỳ tính giá thành</u> .....	28
<u>Do đó mà kỳ tính giá thành rất khác nhau ở các doanh nghiệp, kỳ tính giá thành có thể là hàng tháng, hàng quý, hàng năm hay khi kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm</u> .....	28
<u>1.2.3.3. Phương pháp tính giá thành</u> .....	28
<u>1.2.3.4. Kế toán chi tiết tính giá thành sản phẩm</u> .....	34
<u>1.2.3.5. Kế toán tổng hợp tính giá thành giá thành sản phẩm</u> .....	35
<u>1.2.4. Tổ chức chứng từ, hệ thống sổ và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</u> .....	35
<u>1.2.4.1. Tổ chức chứng từ kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</u> ....	35
<u>1.2.4.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</u> .....	36
<b><u>Chương 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU</u></b> .....	38
<u>2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều</u> .....	38
<u>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Viglacera Đông Triều</u> .....	38
<u>2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</u> .....	40
<u>2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Viglacera Đông Triều</u> .....	44
<u>2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích hiện nay của công ty</u> .....	47
<u>2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty</u> .....	50
<u>2.1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán</u> .....	50
<u>2.1.5.2. Các chính sách kế toán chung</u> .....	52



<u>2.1.5.3. Hệ thống chứng từ kế toán của công ty</u> .....	56
<u>2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty</u> .....	56
<u>2.2.1. Đặc điểm và yêu cầu quản lý tại công ty</u> .....	56
<u>2.2.2. Tổ chức đối tượng tập hợp chi phí sản xuất</u> .....	57
<u>2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty</u> .....	58
<u>2.2.2.1. Tổ chức kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</u> .....	58
<u>2.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</u> .....	65
<u>2.2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung</u> .....	70
<u>2.2.2.4. Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp</u> .....	81
<u>2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm</u> .....	83
<u>2.2.3.1. Đánh giá sản phẩm dở dang</u> .....	83
<u>2.2.3.2. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành</u> .....	86
<u>2.2.3.3. Tổ chức kế toán tính giá thành</u> .....	86
<b><u>Chương 3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIÊN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU</u></b> .....	93
<u>3.1. Nhận xét tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều</u> .....	93
<u>3.1.1. Những ưu điểm trong tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u> .....	93
<u>3.1.2. Những tồn tại trong tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u> .....	96
<u>3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty</u> .....	98
<u>3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty</u> .....	98
<u>3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều</u> .....	99

<b><u>KẾT LUẬN</u></b> .....	106
<b><u>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</u></b> .....	108

**DANH MỤC BẢNG BIỂU SƠ ĐỒ**Danh mục sơ đồ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo các tiêu thức khác nhau

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất chung

Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên

Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kiến kê định kỳ

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán máy

Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Sơ đồ 2.6: Mô hình hạch toán chi phí sản xuất chung

Danh mục bảng biểu

Biểu 2.1: Bảng so sánh kết quả kinh doanh

Biểu 2.2: Bảng hệ số quy đổi sản phẩm của công ty

Biểu 2.3: Phiếu xuất kho

Biểu 2.4: Sổ chi tiết tài khoản

Biểu 2.5: Sổ chi tiết tài khoản

Biểu 2.6: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.7: Bảng đơn giá tiền công

Biểu 2.8: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Biểu 2.9: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.10: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.11: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.12: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.13: Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định

Biểu 2.14: Bảng tổng hợp trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định

Biểu 2.15: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.16: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.17: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.18: Sổ cái tài khoản

Biểu 2.19: Bảng kê sản phẩm dở dang

Biểu 2.20: Bảng kê sản phẩm dở dang quy tiêu chuẩn

Biểu 2.21: Bảng tính giá trị sản phẩm dở dang quy tiêu chuẩn

Biểu 2.22: Thẻ tính giá thành sản phẩm quy tiêu chuẩn

Biểu 2.23: Sổ cái tài khoản

Biểu 3.1: Bảng kê nguyên vật liệu tồn cuối kỳ

#### Danh mục chữ viết tắt

CP: Chi phí

CPSX: Chi phí sản xuất

BHXH: Bảo hiểm xã hội

BHYT: Bảo hiểm y tế

KPCĐ: Kinh phí công đoàn

BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp

## LỜI CẢM ƠN

Là một sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp thực sự là một vinh dự đối với em. Để hoàn thành khóa luận này đòi hỏi sự cố gắng rất lớn của bản thân cũng như sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn cùng sự cổ vũ động viên to lớn của gia đình và bạn bè.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

Các thầy cô trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức, nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán – Kiểm toán và cả những kinh nghiệm quý báu, sự hữu ích cho bản thân em trong thời gian thực tập và cả sau này.

Cô giáo – TS.Giang Thị Xuyên đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em cách tiếp xúc tiếp cận đề tài và hoàn thành bài khóa luận.

Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều đã tạo cho em cơ hội được thực tập tại Phòng Tài chính – Kế toán của công ty, nhiệt tình hướng dẫn cung cấp thông tin số liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu giúp em hoàn thành khóa luận đúng thời gian và nội dung quy định.

Em xin chúc quý thầy cô, cán bộ công nhân viên công ty cổ phần Viglacera Đông Triều dồi dào sức khỏe, thành công trong công việc; chúc quý công ty kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên  
Nguyễn Hải Linh

## LỜI NÓI ĐẦU

Sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới đã mở ra nhiều cơ hội kinh doanh nhưng cũng tạo ra những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Để tồn tại và phát triển, mỗi doanh nghiệp đều phải tự tìm cách vươn lên khẳng định mình, khắc phục những yếu kém đồng thời học hỏi, phát huy những ưu thế riêng của mình để không chỉ tồn tại mà còn phát triển vươn xa hơn.

Muốn chiến thắng trong cạnh tranh, bên cạnh việc nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm thì việc giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm là một biện pháp hữu hiệu. Để có thể hạ được giá thành sản phẩm, trước hết doanh nghiệp cần tính toán đúng chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm để cung cấp cho các nhà quản lý những thông tin chính xác, kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn cũng như kế hoạch hạ giá thành hợp lý.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cùng với thực tiễn thu được trong quá trình thực tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều, em đã đi sâu khảo sát nghiên cứu tình hình thực tế về vấn đề này và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều”***.

Bài khóa luận của em ngoài Lời mở đầu và Kết luận gồm 3 chương :

**Chương 1** : Lý luận chung về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp;

**Chương 2** : Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty cổ phần Viglacera Đông Triều;

**Chương 3** : Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều.

## Chương 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Khái quát về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

#### 1.1.1. Chi phí sản xuất

##### 1.1.1.1. Khái niệm và bản chất của chi phí sản xuất

Doanh nghiệp sản xuất là những đơn vị trực tiếp tạo ra của cải vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải có đủ ba yếu tố cơ bản, đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Sự tiêu hao các yếu tố này trong quá trình sản xuất kinh doanh đã tạo ra các chi phí tương ứng, đó là: chi phí về tư liệu lao động, chi phí về đối tượng lao động và chi phí về sức lao động. Để xác định và tổng hợp được các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra trong thời kỳ hoạt động thì mọi chi phí chi ra đều phải được biểu hiện bằng thước đo tiền tệ.

Các loại chi phí này phát sinh một cách thường xuyên trong quá trình sản xuất kinh doanh, nó luôn vận động, thay đổi trong quá trình tái sản xuất. Tính đa dạng của nó luôn được biểu hiện cụ thể gắn liền với sự đa dạng, phức tạp của các loại hình sản xuất khác nhau và sự phát triển không ngừng của tiến bộ khoa học kỹ thuật .

Tuy nhiên không phải mọi chi phí mà doanh nghiệp đầu tư đều là chi phí sản xuất. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp còn phải bỏ ra nhiều chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp nhưng chỉ những chi phí nào phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp mới được coi là chi phí sản xuất.

Từ sự phân tích trên đây chúng ta có thể thấy : *Chi phí sản xuất là toàn bộ các hao phí về lao động sống , lao động vật hoá và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ dùng vào sản xuất sản phẩm được biểu hiện bằng tiền .*

### **1.1.1.2. Phân loại chi phí**

Do đặc điểm của chi phí là phát sinh hàng ngày gắn liền với từng vị trí sản xuất, từng sản phẩm và từng hoạt động sản xuất kinh doanh. Để quản lý chặt chẽ việc thực hiện các định mức chi phí, tính toán kết quả tiết kiệm ở từng bộ phận sản xuất và toàn doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo các tiêu thức thích hợp.

#### **a) Phân loại chi phí sản xuất căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của chi phí, có 5 loại:**

+ Chi phí nguyên liệu và vật liệu: Yếu tố chi phí nguyên vật liệu bao gồm giá mua, chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ. Yếu tố này bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác.

+ Chi phí nhân công: Yếu tố chi phí nhân công là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.

+ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị: Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác bằng tiền: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

#### **b) Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mục đích và công dụng kinh tế của chi phí, có 3 loại:**

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ,...sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: là tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ.



+ Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, đội sản xuất. Bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: phản ánh chi phí liên quan phải trả cho nhân viên phân xưởng, bao gồm: chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.

- Chi phí vật liệu: phản ánh chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng như vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định...

- Chi phí dụng cụ sản xuất: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng cho phân xưởng sản xuất.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm khấu hao của tất cả các tài sản cố định sử dụng ở phân xưởng sản xuất như khấu hao của nhà xưởng, máy móc thiết bị...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài để phục vụ cho các hoạt động của phân xưởng.

- Chi phí khác bằng tiền: phản ánh những chi phí bằng tiền ngoài những khoản chi phí kể trên, phục vụ cho hoạt động của phân xưởng.

**c) Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động, có 3 loại:**

+ Chi phí khả biến (Biến phí): là những chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về mức hoạt động của doanh nghiệp. Xét trên một đơn vị khối lượng hoạt động thì biến phí thường là hằng số đối với mọi mức hoạt động.

+ Chi phí bất biến (Định phí): là những chi phí mà về tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về mức độ hoạt động của đơn vị. Xét định phí trên một đơn vị khối lượng hoạt động thì tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Dù doanh nghiệp có tồn tại hay không vẫn tồn tại định phí.

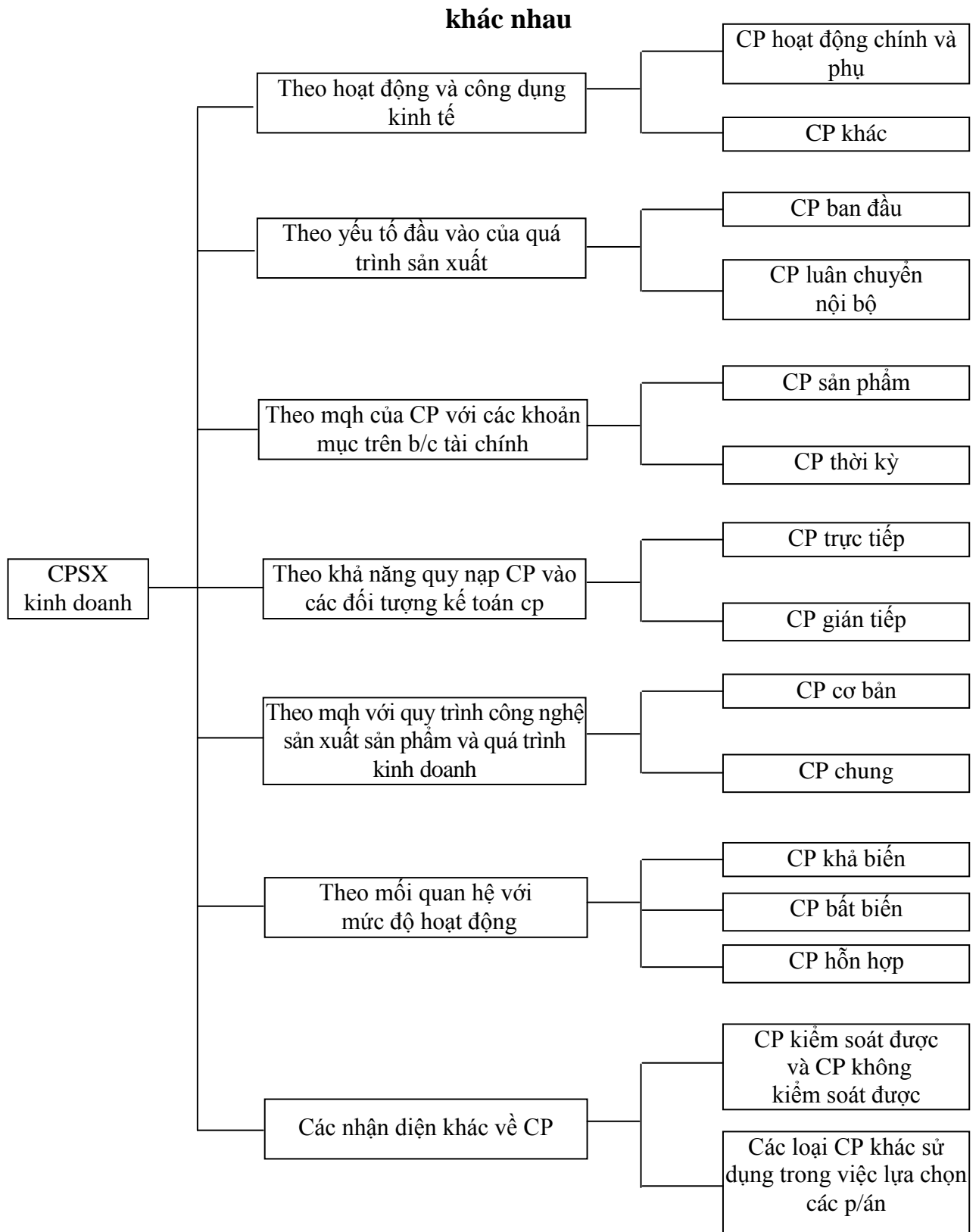
+ Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố của định phí và biến phí.

**d) Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo khả năng quy nạp chi phí và các đối tượng kế toán chi phí, có 2 loại:**

+ Chi phí trực tiếp: là những chi phí sản xuất liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí như từng loại sản phẩm, công việc...

+ Chi phí gián tiếp: là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau

### Sơ đồ 1.1: Sơ đồ phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo các tiêu thức



## **1.1.2. Giá thành sản phẩm**

### **1.1.2.1. Khái niệm và bản chất của giá thành**

Để quản lý có hiệu quả và kịp thời đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp luôn cần biết số chi phí đã chi ra cho từng loại hoạt động, từng loại sản phẩm, dịch vụ là bao nhiêu, số chi phí chi ra đã cấu thành trong số sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành là bao nhiêu, tỷ trọng từng loại chi phí, khả năng hạ thấp các loại chi này...Chỉ tiêu thỏa mãn được những thông tin mang các nội dung trên chính là giá thành sản phẩm.

Như vậy, *Giá thành sản xuất sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp chi ra trong kỳ để hoàn thành việc sản xuất một loại sản phẩm nhất định.*

Giá thành sản phẩm được tính toán theo từng loại sản phẩm, dịch vụ cụ thể hoàn thành (theo từng đối tượng tính giá thành).

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng của hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất. Đồng thời qua đó cũng thấy được trình độ kỹ thuật, quản lý cùng các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện với mục đích sản xuất được khối lượng sản phẩm cao nhất và giá thành thấp nhất. Giá thành sản phẩm còn là căn cứ để xác định giá bán và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.2.2. Phân loại giá thành**

#### **a) Phân loại giá thành theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành**

Theo cách phân loại này có các loại giá thành sau:

+ Giá thành sản phẩm kế hoạch: Là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí kế hoạch và số lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Giá thành kế hoạch bao giờ cũng được tính toán trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Giá thành sản phẩm kế hoạch là mục tiêu phấn đấu trong kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó cũng là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

+ Giá thành sản phẩm định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chi tính cho một đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật của từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

+ Giá thành sản phẩm thực tế: Là giá thành sản phẩm được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị. Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phân đầu của doanh nghiệp trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được nguyên nhân vượt ( hụt ) định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

### **b) Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi chi phí cấu thành**

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được phân biệt thành hai loại: Giá thành sản xuất sản phẩm, giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ.

+ Giá thành sản xuất sản phẩm: Là loại giá thành bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm đã hoàn thành. Giá thành sản xuất sản phẩm được sử dụng để hạch toán thành phẩm, giá vốn hàng xuất bán và mức lãi gộp trong kỳ của doanh nghiệp.

+ Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ: Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ tính cho số sản phẩm này. Như vậy giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ chỉ tính và xác định cho số sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất và đã tiêu thụ, nó là căn cứ để tính toán xác định mức lợi nhuận thuần trước thuế của doanh nghiệp.

Ngoài những cách phân loại giá thành sản phẩm được sử dụng chủ yếu trong kế toán tài chính trên đây, trong công tác quản trị, doanh nghiệp còn thực hiện phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi tính toán chi phí chi tiết hơn.

### **1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

Về mặt bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Chúng giống nhau về chất vì đều cùng biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra, nhưng khác nhau về mặt lượng. Chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là tiền đề, động lực cho nhau cùng phát triển. Chi phí sản xuất là tiền đề để tính giá thành sản phẩm, ngược lại giá thành sản phẩm là mục tiêu để tập hợp chi phí sản xuất.

Tuy nhiên chi phí và giá thành khác nhau trên hai phương diện:

- Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất gắn với một thời kỳ nhất định, không phân biệt là cho loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa còn giá thành sản phẩm là xác định một lượng chi phí sản xuất nhất định, tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

- Về mặt lượng: Tại thời điểm tính giá thành có thể có một khối lượng sản phẩm chưa hoàn thành, chứa đựng một lượng chi phí cho nó, đó là chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Tương tự, đầu kỳ có thể có một khối lượng sản phẩm chưa hoàn thành ở kỳ trước chuyển sang để tiếp tục sản xuất, chứa đựng một lượng chi phí trong nó, đó là chi phí dở dang đầu kỳ. Như vậy, mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm có thể khái quát qua công thức sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Trong đó:  $Z$  : Tổng giá thành sản phẩm

$D_{dk}$  : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

$D_{ck}$  : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

$C$  : Chi phí phát sinh trong kỳ

Trong trường hợp đặc biệt, khi chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ bằng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ hoặc không có sản phẩm làm dở thì tổng giá thành bằng

tổng chi phí sản xuất trong kỳ.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau, một bên chi phí sản xuất là đầu vào là nguyên nhân dẫn đến kết quả đầu ra là giá thành sản phẩm. Vì vậy, tiết kiệm chi phí sản xuất là cơ sở hạ giá thành sản phẩm.

#### **1.1.4. Yêu cầu và nhiệm vụ đối với công tác kế toán chi phí và giá thành sản phẩm**

##### **1.1.4.1. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Mục đích kinh doanh của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp có thể sử dụng rất nhiều biện pháp linh hoạt trong đó việc tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm là một biện pháp đạt hiệu quả cao. Do đó, doanh nghiệp cần phải chú trọng đến công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của công tác phân tích kinh tế. Tổ chức kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm.

Để quản lý tốt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, trước tiên doanh nghiệp phải nhận định và hiểu cách phân loại của từng loại chi phí nhằm kiểm soát tổng thể chi phí và các chi phí riêng biệt. Xây dựng định mức chi phí và quản lý chi phí theo định mức, phản ánh từng loại chi phí theo từng địa điểm phát sinh, thời điểm xảy ra, xác định đối tượng chịu chi phí để biết được chi phí lãng phí ở khâu nào, từ đó có biện pháp khắc phục. Từ đó, tổ chức công tác giá thành thực tế của các loại sản phẩm một cách kịp thời, chính xác, đúng đối tượng, chế độ quy định và đúng phương pháp.

Mặt khác, muốn tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải dựa trên cơ sở của việc tính chính xác chi phí để sản xuất ra sản phẩm. Tính đủ giá thành là tính toán đầy đủ mọi hao phí bỏ ra theo đúng chế độ quy định. Tính đủ cũng đòi hỏi phải loại bỏ chi phí không liên quan đến giá thành sản phẩm như các khoản chi mang tính chất tiêu cực. Việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, giúp cho việc phản ánh tình hình và kết quả thực hiện giá thành

của doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả tài chính, tình trạng lãi giả, lỗ thật. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng và thiết thực với việc tăng cường, cải tiến công tác quản lý giá thành nói riêng và quản lý tài sản doanh nghiệp nói chung

Làm tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp nhận thức đúng đắn thực trạng quá trình sản xuất, quản lý, cung cấp các thông tin cần thiết, kịp thời cho bộ máy lãnh đạo để có chiến lược, các biện pháp phù hợp nhằm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Đồng thời, giúp doanh nghiệp có kế hoạch quản lý vốn sử dụng có hiệu quả, đảm bảo được tính chủ động trong kinh doanh và trong công tác tài chính.

Làm tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm giúp cho nhà nước có cái nhìn tổng thể đối với sự phát triển của nền kinh tế, từ đó đưa ra đường lối, chính sách phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp.

#### **1.1.4.2. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Ta có thể thấy chi phí và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và góp phần xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vị trí vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán khác có liên quan, trong đó kế toán các yếu tố chi phí là tiền đề cho kế toán chi phí và tính giá thành.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất đặc điểm sản xuất của sản phẩm, khả năng hạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Căn cứ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm của từng nhân viên, từng bộ phận kế toán có liên quan đặc biệt bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận - xử lý - hệ thống hoá thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo kế toán về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất – tiêu thụ sản phẩm.

Việc phản ánh trung thực, hợp lý chi phí sản xuất có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí sản xuất, tổ chức kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung, ở từng bộ phận, đối tượng nói riêng, góp phần quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn tiết kiệm và có hiệu quả. Mặt khác tạo điều kiện phân đầu hạ thấp giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm để sản phẩm của doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

## **1.2. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

#### **1.2.1.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp có thể phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau, liên quan đến việc sản xuất chế tạo các loại sản phẩm, lao vụ khác nhau. Chính vì vậy, chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ phải được kế toán tập hợp theo một phạm vi, giới hạn nhất định. Đó chính là đối tượng kế toán chi phí sản xuất. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là phạm vi và giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất theo các phạm vi và giới hạn đó.

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp phải căn cứ vào cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, trình độ nhà quản trị doanh nghiệp...



Tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể mà đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp có thể là:

- Từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng.
- Từng phân xưởng, giai đoạn công nghệ sản xuất.
- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, toàn doanh nghiệp.

Xác định đối tượng chi phí sản xuất một cách khoa học hợp lý là cơ sở để tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết...

### **1.2.1.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

Trong quá trình sản xuất, các chi phí phát sinh liên quan đến đối tượng nào thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó, trường hợp không thể tổ chức hạch toán riêng biệt thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp cho các đối tượng có liên quan theo tiêu thức phù hợp. Các nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất là:

- Chi phí được ghi nhận khi doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bất kể chi bằng hình thức gì.
- Phải tổ chức hạch toán chi tiết cho từng đối tượng sử dụng chi phí.
- Chi phí sản xuất được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi các khoản chi này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai hay có liên quan đến việc làm giảm bớt tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí sản xuất được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh phải tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Thông thường tại các doanh nghiệp hiện nay có hai phương pháp tập hợp chi phí như sau:

#### **- Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp**

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các loại chi phí có liên quan trực tiếp đến các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định. Theo phương pháp này chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo mức độ chính xác cao.

**- Phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp**

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí đã xác định mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng đó. Để xác định chi phí cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn các tiêu chuẩn hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng liên quan. Cụ thể:

+ Bước 1: Xác định hệ số phân bổ theo công thức sau:

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó: H: Hệ số phân bổ chi phí

C: Là tổng chi phí cần phân bổ cho các đối tượng

T: Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí

+ Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng tập hợp cụ thể:

$$C_i = H * T_i$$

Trong đó:

C<sub>i</sub>: Phần chi phí phân bổ cho đối tượng i

T<sub>i</sub>: Đại lượng tiêu chuẩn phân bổ dùng để phân bổ chi phí của đối tượng i

**1.2.1.3. Tổ chức kế toán chi tiết tập hợp chi phí sản xuất****a) Tổ chức kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

+ Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm giá trị nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu dùng trực tiếp cho việc sản xuất, gia công, chế biến sản phẩm (cả nửa thành phẩm mua ngoài). Các loại nguyên vật liệu này có thể xuất từ kho ra để sử dụng và cũng có thể mua về đưa vào sử dụng ngay hoặc tự sản xuất ra và đưa vào sử dụng. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được quản lý theo các định mức chi phí do doanh nghiệp xây dựng.

Chi phí NVL trực tiếp thực tế trong kỳ được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí thực tế} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{nguyên vật liệu} & = & \text{NVL tồn} & + & \text{xuất dùng} & - & \text{NVL tồn} & - & \text{phế liệu} \\ \text{trực tiếp trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} & & \text{thu hồi} \end{array}$$

+ Phương pháp tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh thường tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên nếu có phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tập hợp trực tiếp được thì kế toán phải tiến hành phân bổ theo các tiêu thức phân bổ hợp lý. Tiêu thức phân bổ có thể sử dụng là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo định mức tiêu hao, theo hệ số, theo số lượng sản phẩm... Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí vật liệu phân} & & \text{Tổng tiêu thức phân} & & & & \text{Hệ số ( tỷ lệ)} \\ \text{bổ cho từng đối tượng} & = & \text{bổ của từng đối tượng} & \times & & & \text{phân bổ} \\ \text{( hoặc sản phẩm)} & & \text{( hoặc sản phẩm)} & & & & \end{array}$$

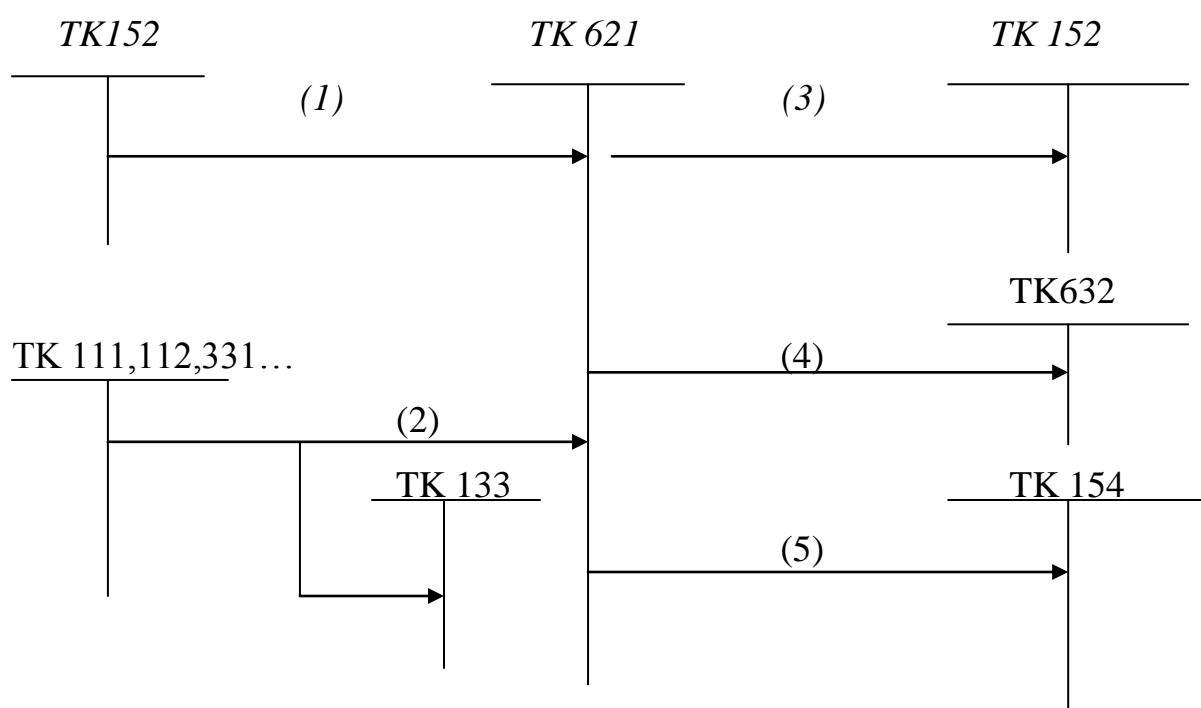
$$\begin{array}{rcccl} & & \text{Tổng chi phí vật liệu cần} & & & & \\ & & \text{phân bổ} & & & & \\ \text{Hệ số (tỷ lệ)} & = & \frac{\quad}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} & \times & 100\% & & \\ \text{phân bổ} & & \text{cho tất cả các đối tượng} & & & & \end{array}$$

+ Chứng từ kế toán sử dụng:

Các chứng từ liên quan đến kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm: Phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, chứng từ thanh toán, Bảng kê thanh toán tạm ứng.....

+ Tài khoản kế toán sử dụng: TK621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tùy theo yêu cầu quản trị của mỗi doanh nghiệp mà tài khoản này được mở cho từng đối tượng chịu chi phí.

**Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

(1) Xuất kho nguyên vật liệu để chế tạo sản phẩm.

(2) Vật liệu mua ngoài xuất thẳng cho chế tạo sản phẩm.

(3) Vật liệu dùng để chế tạo sản phẩm còn thừa được nhập lại kho trước khi kết chuyển chi phí.

(4) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường không được kết chuyển vào chi phí giá thành, được tính vào chi phí kinh doanh.

(5) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh được kết chuyển sang chi phí giá thành.

**b) Tổ chức kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

+ Nội dung chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, lương phụ, trích BHXH, BHYT, KPCĐ...

Chi phí về tiền lương được xác định cụ thể tùy thuộc hình thức tiền lương sản phẩm hay lương thời gian mà doanh nghiệp áp dụng. Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất cũng như các đối tượng khác thể hiện trên Bảng tính và thanh toán lương, được tổng hợp và phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất

trên Bảng phân bổ tiền lương. Trên cơ sở đó, các khoản trích theo lương tính vào chi phí nhân công trực tiếp được tính toán căn cứ vào số tiền lương công nhân sản xuất của từng đối tượng và tỷ lệ trích theo quy định, quy chế tài chính hiện hành của từng thời kỳ.

- Phương pháp tập hợp:

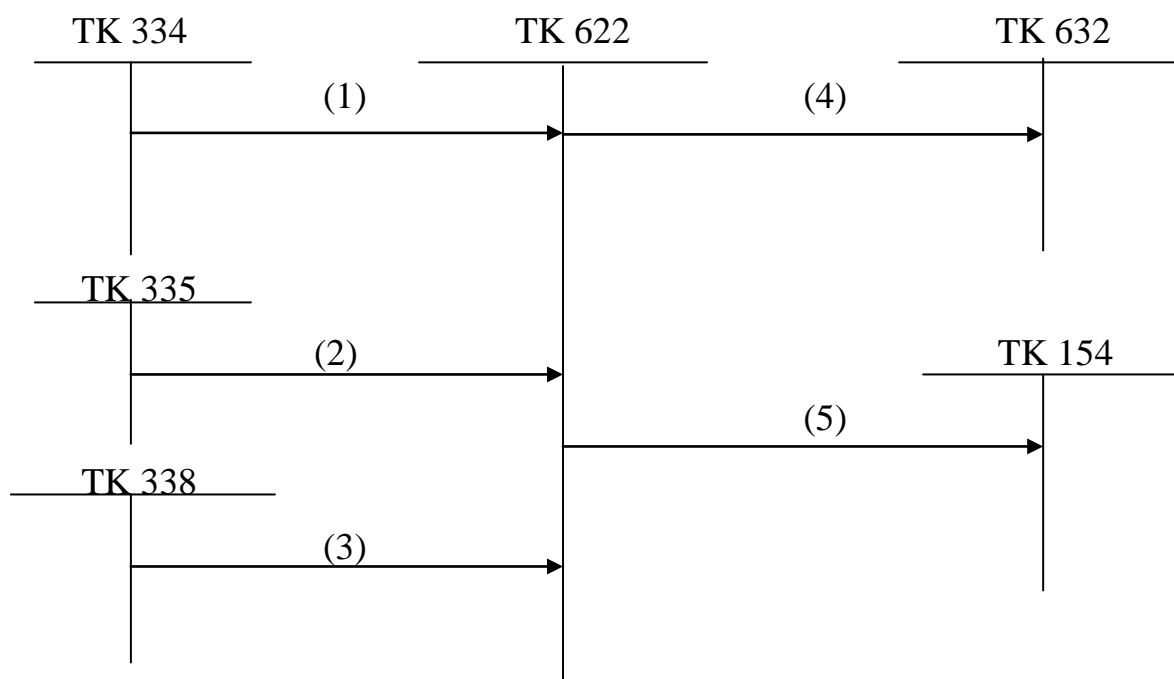
Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến đối tượng chịu chi phí nào thì tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Tuy nhiên, nếu chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì kế toán sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp theo tiêu thức phân bổ hợp lý. Những tiêu thức phân bổ có thể là: tiền công định mức, giờ công định mức, giờ công sản xuất thực tế...

+ Chứng từ kế toán sử dụng trong hạch toán lương:

Việc tính toán và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh ở các biểu mẫu : Bảng chấm công, Bảng chấm công làm thêm giờ, Bảng thanh toán tiền lương, thưởng, Giấy đi đường, Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành, Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ, Bảng thanh toán tiền thuê ngoài, Hợp đồng giao khoán, Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH ...

+ Tài khoản kế toán sử dụng: Để tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

(1) Tính ra lương, phụ cấp phải trả công nhân trực tiếp sản xuất.

(2) Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

(3) Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

(4) Chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường không được kết chuyển vào chi phí giá thành, được tính vào chi phí kinh doanh.

(5) Chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh được kết chuyển sang chi phí giá thành.

**c) Tổ chức kế toán chi phí sản xuất chung**

+ Nội dung chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với từng phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung là loại chi phí tổng hợp bao gồm các khoản: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí khác bằng tiền dùng ở phân xưởng.

- Chi phí sản xuất chung gồm: chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi:

Chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. Phần chi phí sản xuất chung không phân bổ hết (nếu có) được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết một lần vào chi phí sản xuất phát sinh.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất chung} \\ \text{cố định phân bổ vào} \\ \text{chi phí giá thành} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất chung cố} \\ \text{định phát sinh} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm theo} \\ \text{công suất bình thường} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Sản lượng} \\ \text{thực tế sản} \\ \text{xuất ra} \end{array}$$

+ Phương pháp tập hợp:

Chi phí sản xuất chung được tập hợp cho từng phân xưởng sản xuất hoặc từng bộ phận sản xuất kinh doanh. Việc tập hợp được thực hiện hàng tháng và cuối mỗi tháng tiến hành phân bổ và kết chuyển vào đối tượng hạch toán chi phí. Tuy nhiên, phần chi phí sản xuất chung cố định được tính vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường, nếu mức sản phẩm sản xuất ra thấp hơn mức công suất bình thường thì vẫn phải tính cho đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Phần chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu phân xưởng chỉ sản xuất ra một loại sản phẩm duy nhất thì toàn bộ chi phí chung phát sinh ở phân xưởng được kết chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất sản phẩm.

Nếu phân xưởng sản xuất ra hai loại sản phẩm trở lên và tổ chức theo dõi riêng chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm (đối tượng hạch toán chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm) thì chi phí sản xuất chung phải được phân bổ cho từng loại sản phẩm đã kết chuyển vào chi phí sản xuất sản phẩm. Để tiến hành phân bổ, có thể sử dụng các tiêu thức: Tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất, tỷ lệ với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tỷ lệ với số giờ máy chạy, tỷ lệ với đơn vị nhiên liệu tiêu hao...

Để xác định mức phân bổ cho từng đối tượng chịu chi phí sử dụng công thức tổng quát sau:

$$\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

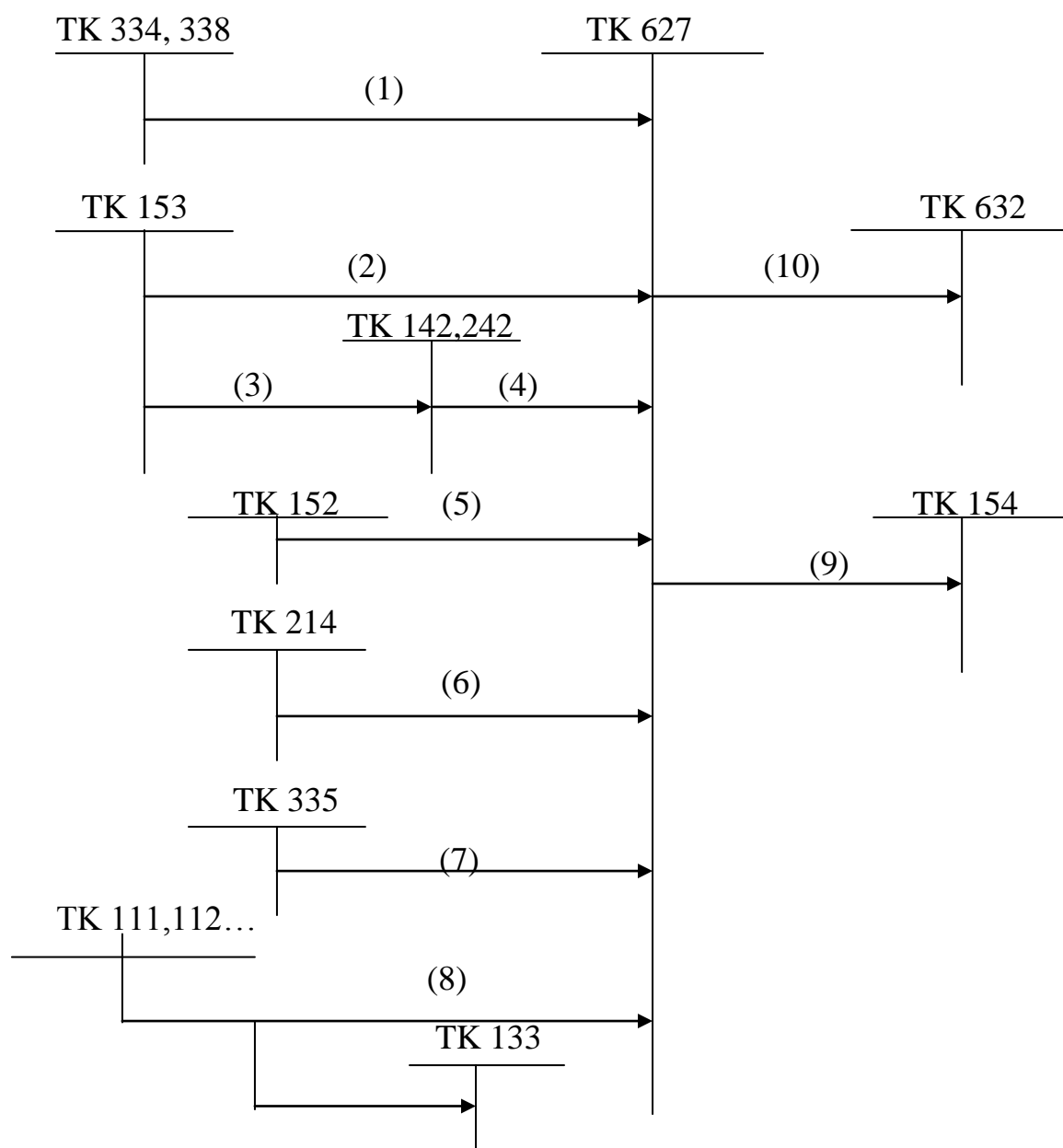
+ Chứng từ kế toán sử dụng:

Bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương phản ánh chi phí nhân công thuộc chi phí sản xuất chung; bảng phân bổ vật liệu công cụ, dụng cụ và các chứng từ liên quan; bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất; chứng từ gốc liên quan đến dịch vụ mua sử dụng cho sản xuất chung (hóa đơn thanh toán, giấy biên nhận...)

+ Tài khoản kế toán sử dụng: Kế toán sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng.

Trình tự kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung được khái quát theo sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất chung**

- (1) Tính ra lương, phụ cấp và trích theo lương phải trả nhân viên quản lý phân xưởng.
- (2) Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 1 lần dùng cho phân xưởng sản xuất.
- (3) Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 2 lần trở lên treo vào TK 142 hoặc 242.
- (4) Phân bổ dần giá trị công cụ dụng cụ dùng ở phân xưởng sản xuất.
- (5) Xuất kho vật liệu phục vụ để quản lý phân xưởng.
- (6) Trích khấu hao TSCĐ thuộc bộ phận sản xuất.

- (7) Trích trước chi phí quản lý phân xưởng như chi phí sửa chữa lớn TSCĐ trong kế hoạch, tiền lương nghỉ phép của nhân viên quản lý phân xưởng...
- (8) Chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến bộ phận sản xuất.
- (9) Chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ vào chi phí giá thành.
- (10) Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ vào chi phí giá thành do sản lượng thực tế < sản lượng theo công suất bình thường (kết chuyển sang TK 632).

#### **1.2.1.4 Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp**

##### **a) Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này có ưu điểm là giám sát chặt chẽ tình hình tăng, giảm tài sản, giá trị của chúng trên sổ kế toán tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Song do khối lượng công việc hạch toán nhiều và phức tạp nên phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn (máy móc, thiết bị, hàng kỹ thuật cao...)

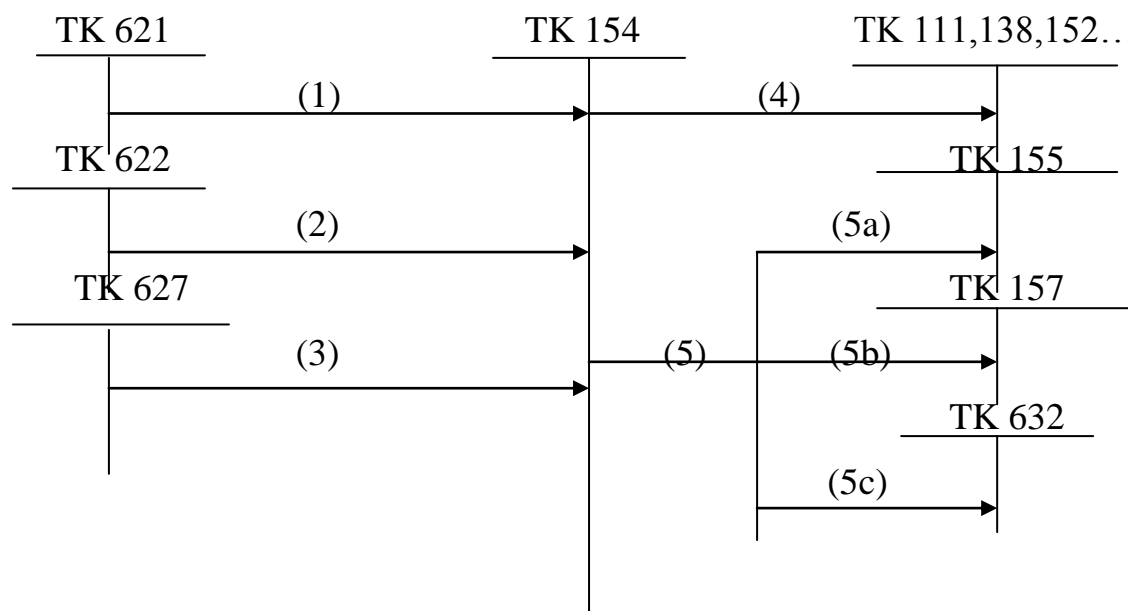
+ Tài khoản kế toán sử dụng: TK154

Theo chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp tiến hành kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, toàn bộ chi phí được tập hợp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp, TK 627 – Chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí theo từng khoản mục trước khi kết chuyển sang TK 154. Các tài khoản này

không có số dư cuối kỳ và phải mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tùy thuộc vào yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp.

**Sơ đồ 1.5: trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên**



- (1) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh sang TK 154.
- (2) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh sang TK 154.
- (3) Kết chuyển chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh sang TK 154.
- (4) Giá trị thu hồi ghi dạng chi phí sản xuất sau khi đã kết chuyển chi phí.
- (5) Tổng giá thành sản phẩm trong kỳ.
  - (5a) Nhập kho thành phẩm.
  - (5b) Chuyển đi gửi bán.
  - (5c) Chuyển đi bán thẳng.

**b) Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp kiểm kê định kỳ đối với hàng tồn kho là phương pháp mà kế toán không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục tình hình biến động của hàng tồn kho trên các tài khoản tồn kho mà chỉ theo dõi, phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế.

Để tập hợp chi phí vật liệu đã xuất dùng cho sản xuất sản phẩm kế toán sử dụng TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

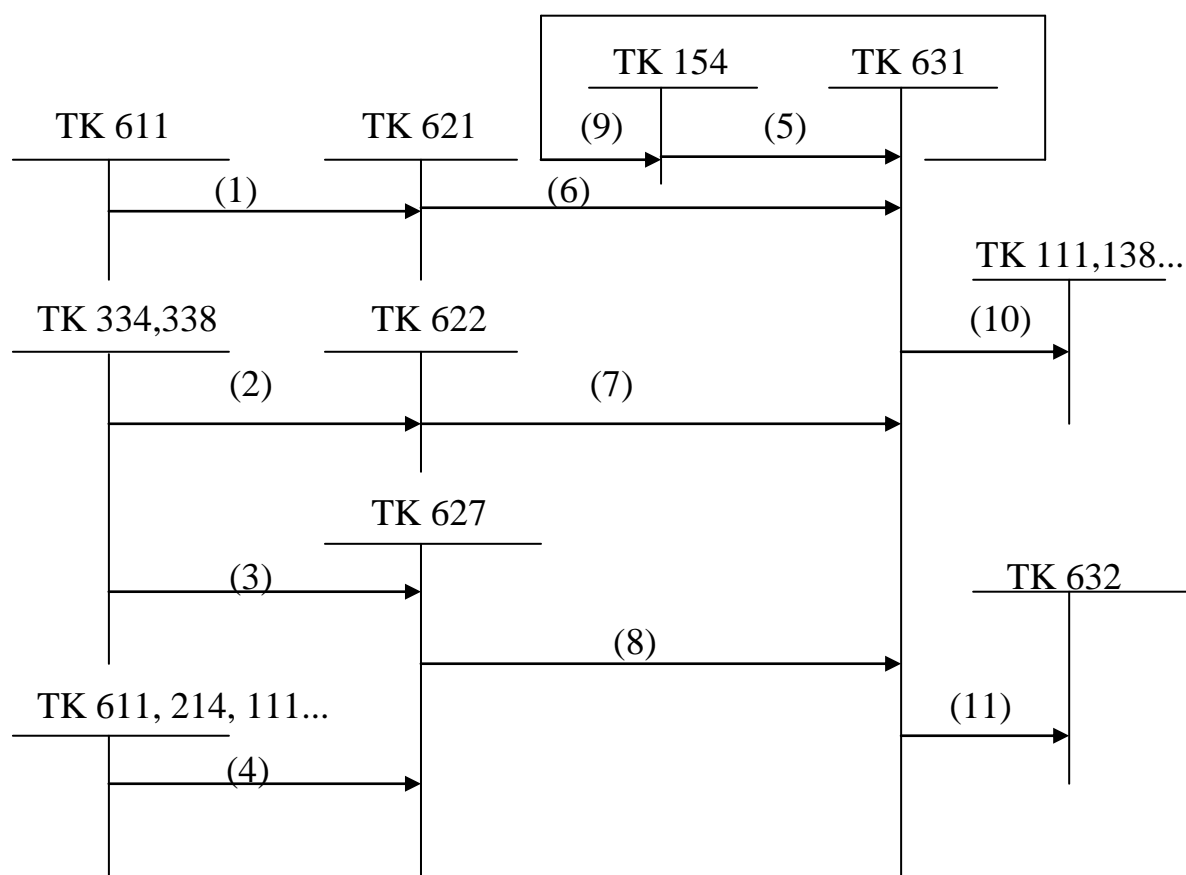
Lượng xuất dùng cho thực tế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật} & & \text{giá trị vật tư} & & \text{giá trị vật tư} & & \text{giá trị vật tư} \\ \text{tu} & = & \text{tồn kho} & + & \text{nhập kho} & + & \text{tồn kho} \\ \text{xuất dùng} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này tập hợp chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vào TK 622 và TK 627 giống phương pháp kê khai thường xuyên.

Tuy nhiên, do đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK631 – giá thành sản xuất.

**Sơ đồ 1.6: trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



- (1) Xác định giá trị vật liệu dùng cho chế tạo sản phẩm.
- (2) Lương và phải trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất.
- (3) Lương và phải trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng.
- (4) Tập hợp các chi phí khác ở phân xưởng sản xuất.
- (5) Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ sang TK 631.
- (6) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành.
- (7) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành.
- (8) Kết chuyển chi phí sản xuất chung để tính giá thành.
- (9) Căn cứ vào kết quả kiểm kê, kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ sau đó kết chuyển về 154.
- (10) Các khoản thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất sau khi đã kết chuyển 621, 622, 627.
- (11) Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ được nhập kho, gửi bán hoặc bán thẳng.

### 1.2.2. Đánh Giá Sản Phẩm Dở Dạng

Sản phẩm làm dở (sản phẩm dở dang) là sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến trên các giai đoạn của quy trình công nghệ, hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nh- ng vẫn còn phải gia công chế biến mới trở thành sản phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán xác định phần chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu.

#### 1.2.2.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính trực tiếp

Điều kiện áp dụng: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, khối lượng sản phẩm dở dang ít và tương đối ổn định giữa các kỳ.

Nội dung của phương pháp: Chỉ tính cho sản phẩm dở phần chi phí NVL chính trực tiếp còn các chi phí sản xuất khác được tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

#### Công thức:

- Theo phương pháp bình quân:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_v}{Q_{ht} + Q_{dck}} \times Q_{dck}$$

- Theo phương pháp nhập trước xuất trước:

$$D_{ck} = \frac{C_v}{Q_{bht} + Q_{dck}} \times Q_{dck}$$

Trong đó:

$D_{dk}, D_{ck}$ : là chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

$C_v$ : chi phí NVL chính trực tiếp phát sinh trong kỳ.

$Q_{dck}$ : khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ.

$Q_{bht}$ : khối lượng sản phẩm bắt đầu sản xuất và hoàn thành trong kỳ.

#### 1.2.2.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Nội dung của phương pháp: tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ cả chi phí NVL trực tiếp và các chi phí sản xuất khác, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

được quy đổi thành khối lượng sản phẩm tương đương theo mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang.

### Công thức:

- Theo phương pháp bình quân:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C}{Q_{ht} + Q_{dck} \times m_c} \times Q_{dck} \times m_c$$

- Theo phương pháp nhập trước xuất trước:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C}{Q_{ddk} \times (1 - m_d) + Q_{bht} + Q_{dck} \times m_c} \times Q_{dck} \times m_c$$

Trong đó:  $D_{ck}$ ,  $D_{dk}$ : chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, đầu kỳ.

$C$ : chi phí phát sinh theo từng khoản mục.

$Q_{ddk}$ ,  $Q_{dck}$ : khối lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

$Q_{ht}$ : khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

$Q_{bht}$ : khối lượng sản phẩm bắt đầu sản xuất và hoàn thành trong kỳ.

$m_d$ ,  $m_c$ : mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng chi phí sản xuất, khối lượng sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ nhiều và biến động lớn.

### 1.2.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức

Nội dung của phương pháp: Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang đã kiểm kê ở từng công đoạn sản xuất và định mức ở từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn tương ứng cho từng đơn vị sản phẩm để tính ra chi phí định mức của khối lượng sản phẩm dở dang từng công đoạn, sau đó tập hợp lại cho từng sản phẩm.

### Công thức:

+ Với chi phí sản xuất bỏ một lần ngay từ đầu:

$$\text{Chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cuối kỳ giai đoạn } i = \frac{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ giai đoạn } i}{\text{Định mức chi phí giai đoạn } i}$$

+Với chi phí bỏ từ từ:

$$\text{Chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cuối kỳ giai đoạn } i = \frac{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ giai đoạn } i}{\text{Mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang}} \times \text{Định mức chi phí giai đoạn } i$$

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp đã xây dựng được định mức chi phí hợp lý hoặc sử dụng phương pháp tính giá thành theo định mức.

#### 1.2.2.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không thấp trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất là một dạng của phương pháp ước tính theo sản lượng tương đương, trong đó giai đoạn sản phẩm dở dang đã hoàn thành ở mức độ 50% so với thành phẩm.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang chưa hoàn thành} = \text{Giá trị NVL chính nằm trong sản phẩm dở dang} + 50\% \text{ chi phí chế biến}$$

### 1.2.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm

#### 1.2.3.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Việc xác định đối tượng tính giá thành cần căn cứ vào:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất
- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.
- Yêu cầu quản lý và tính chất từng loại sản phẩm.

Cụ thể:

+ Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm được xác định là đối tượng tính giá thành.

+ Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng loại sản phẩm là một đối tượng tính giá thành.

+ Đối với quy trình công nghệ sản xuất gián đoạn thì đối tượng tính giá thành sẽ là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của quy trình công nghệ.



+ Đối với quy trình công nghệ sản xuất phức tạp thì đối tượng tính giá thành có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng và cũng có thể là từng bộ phận, từng chi tiết sản phẩm và sản phẩm đã lắp ráp hoàn thành.

### **1.2.3.2. Kỳ tính giá thành**

Kỳ tính giá thành là mốc thời gian mà bộ phận kế toán giá thành phải tổng hợp số liệu để tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Căn cứ để xác định kỳ tính giá thành là:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm.
- Chu kỳ sản xuất sản phẩm.
- Yêu cầu của công tác quản lý ở từng doanh nghiệp.

Do đó mà kỳ tính giá thành rất khác nhau ở các doanh nghiệp, kỳ tính giá thành có thể là hàng tháng, hàng quý, hàng năm hay khi kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm.

### **1.2.3.3. Phương pháp tính giá thành**

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là cách thức, phương pháp tính toán xác định tổng giá thành và giá thành đơn vị từng loại sản phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành.

***Có 7 phương pháp tính giá thành sản phẩm:***

- Phương pháp tính giá thành giản đơn.
- Phương pháp tỷ lệ.
- Phương pháp hệ số.
- Phương pháp loại trừ chi phí sản xuất sản phẩm phụ.
- Phương pháp tính giá thành phân bước.
- Phương pháp định mức.
- Phương pháp tính giá thành theo công việc.

Để tính giá thành sản phẩm có hiệu quả, kế toán sử dụng phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp của mình.

#### **a) Phương pháp tính giá thành giản đơn**

Điều kiện áp dụng: Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất đơn giản khép kín từ khi đưa NVL vào, cho tới khi sản phẩm hoàn thành.

Nội dung: theo phương pháp này tổng giá thành được tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp được trong kỳ, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ để tính ra giá thành sản phẩm theo công thức:

$$Z_{TT} = D_{ĐK} + C - D_{CK}$$

$$z_{tt} = \frac{Z_{TT}}{Q_{ht}}$$

$Z_{TT}$ : Tổng giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành trong kỳ

$D_{ĐK}$ : Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ.

$C$ : Tổng chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ.

$D_{CK}$ : Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

$z_{tt}$ : Giá thành đơn vị sản phẩm.

$Q_{ht}$ : Khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

### **b) Phương pháp tính giá thành phân bước**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp có quy trình sản xuất phức tạp kiểu liên tục, sản phẩm trải qua nhiều công đoạn chế biến liên tục kế tiếp nhau. Nửa thành phẩm của giai đoạn trước là đối tượng chế biến ở giai đoạn sau.

Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn của quá trình công nghệ, còn đối tượng tính giá thành có thể là kết quả của từng giai đoạn công nghệ trung gian (NTP) và giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất (TP) hoặc chỉ tính giá thành cho thành phẩm. Vì vậy, phương pháp tính giá thành phân bước có 2 phương án:

#### **+ *Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành nửa thành phẩm***

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp xác định đối tượng tính giá thành là nửa thành phẩm. Kế toán phải tổng hợp chi phí của từng giai đoạn công nghệ, tính giá thành nửa thành phẩm ở giai đoạn trước đó và kết chuyển sang giai đoạn sau.

Giá thành nửa thành phẩm được xác định như sau:

$$Z_{NTP1} = D_{ĐK1} + C_{TK1} - D_{CK1}$$

$$Z_{NTP2} = D_{ĐK2} + (Z_{NTP1} + C_{TK2}) - D_{CK2}$$

.....

$$Z_{NTPn} = D_{ĐKn-1} + (Z_{NTPn-1} + C_{TKn}) - D_{CKn}$$

Trong đó:

$Z_{NTPi}$  : Giá thành nửa thành phẩm giai đoạn i

$D_{ĐKi}$  : Chi phí dở dang đầu kỳ giai đoạn i

$C_{TKi}$  : Chi phí phát sinh trong giai đoạn i

$D_{CKi}$  : Chi phí dở dang cuối kỳ giai đoạn i

**+ Phương pháp tính giá thành phân bước không tính giá thành nửa thành phẩm**

Phương pháp này đòi hỏi trước hết phải xác định được chi phí sản xuất của từng giai đoạn nằm trong giá thành thành phẩm cuối cùng theo từng khoản mục chi phí, sau đó tổng cộng song song từng khoản mục chi phí sản xuất của từng giai đoạn nằm trong giá thành thành phẩm sẽ được giá thành của thành phẩm.

$$C_{iTP} = \frac{D_{đki} + C_i}{Q_i} \times Q_{iTP}$$

Trong đó:

$C_{iTP}$ : chi phí giai đoạn công nghệ i trong giá thành thành phẩm

$D_{đki}, C_i$ : chi phí dở dang đầu kỳ và chi phí phát sinh trong kỳ của giai đoạn i.

$Q_i$ : khối lượng sản phẩm giai đoạn i đầu tư chi phí.

$Q_{iTP}$ : khối lượng thành phẩm quy đổi về nửa thành phẩm giai đoạn i.

$$Q_{iTP} = Q_{TP} \times H_i$$

$H_i$ : hệ số sử dụng giai đoạn i.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \sum_{i=1}^n \text{CPSX giai đoạn i}$$

### c) Phương pháp loại trừ chi phí ( sản phẩm phụ )

Phương pháp này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất sử dụng cùng một loại chi phí, kết quả sản xuất cho sản phẩm chính và sản phẩm phụ. Yêu cầu tính giá thành của sản phẩm chính, do đó phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi giá thành của sản phẩm chính. Giá thành của sản phẩm phụ có thể tính theo giá thành kế hoạch. Trên cùng một quy trình sản xuất, kết quả thu được sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được, do đó phải loại trừ chi phí sản xuất của sản phẩm hỏng ra khỏi giá thành sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Công thức tính giá thành:

$$Z_{sx} = D_{dk} + C - C_{LT} - D_{ck}$$

$$Z_{sx} = \frac{Z_{sx}}{Q}$$

Trong đó  $C_{LT}$ : Chi phí loại trừ

#### **d) Phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất gồm nhiều công đoạn nối tiếp nhau, mỗi công đoạn sản xuất hoàn thành một bộ phận sản phẩm. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công đoạn. Đối tượng tính giá thành là giá thành phẩm

Công thức tính giá thành:

$$Z_{sx} = D_{dk} + C_1 + C_2 + \dots + C_n - D_{ck}$$

$$Z_{sx} = \frac{Z_{sx}}{Q}$$

#### **e) Phương pháp tính giá thành theo hệ số**

Áp dụng đối với doanh nghiệp trong cùng một quy trình công nghệ, sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu, kết thúc quy trình tạo ra nhiều nhóm sản phẩm cùng loại nhưng kích cỡ khác nhau. Kế toán phải xây dựng hệ số tính giá thành cho phù hợp với từng loại sản phẩm hoặc từng loại kích cỡ.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất. Đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

Phương pháp tính:

**Bước 1** : Tính giá thành của cả quy trình sản xuất theo phương pháp phù hợp ( Thường theo phương pháp đơn giản )

**Bước 2** : Quy đổi sản lượng sản phẩm từng loại về sản phẩm tiêu chuẩn theo công thức:

$$Q_{TCi} = Q_i \times H_i$$

$$H_i = \frac{P_i}{P_o}$$

Trong đó  $Q_{TC}$  : Số lượng sản phẩm tiêu chuẩn của sản phẩm i

$Q_i$  : Số lượng sản phẩm thực tế của sản phẩm i

$H_i$  : Hệ số quy đổi của sản phẩm i

$P_i$  : Trọng lượng của sản phẩm i

$P_o$  : Trọng lượng tiêu chuẩn

**Bước 3** : Tính giá thành của sản phẩm tiêu chuẩn

$$z_{sx} = \frac{Z_{n\text{hom}}}{\sum_{i=1}^n Q_{TCi}}$$

**Bước 4** : Tính giá thành của từng loại sản phẩm

$$Z_i = Q_{TCi} \times z_{TC}$$

$$z_i = \frac{Z_i}{Q_i}$$

#### f) Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ

Áp dụng đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất, sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu, kết thúc quá trình sản xuất cho nhiều loại sản phẩm chính khác nhau.

Đối với phương pháp này, kế toán phải lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp để xác định tỷ lệ. Thông thường, dựa vào giá thành kế hoạch của sản phẩm hoặc dựa vào phẩm cấp của sản phẩm để xác định tỷ lệ tính giá thành.

Phương pháp tính giá thành :

**Bước 1** : Tính tổng giá thành thực tế của cả nhóm theo phương pháp phù hợp ( Thường theo phương pháp cơ bản )

**Bước 2** : Tính tổng giá thành kế hoạch theo số lượng thực tế

$$\sum_{i=1}^n Z_{KH} = \sum_{i=1}^n Q_{TTi} x z_{KH i}$$

$$Z_{KH}^n = Q_{TTi} x z_{KH i}$$

Trong đó  $Q_{TTi}$  : Số lượng thực tế của đối tượng i

$z_{KH i}$  : Giá thành kế hoạch của đối tượng i

**Bước 3** : Tính tỉ lệ giá thành

$$T_Z = \frac{Z_{TT}}{Z_{KH}^n}$$

**Bước 4** : Tính giá thành từng đối tượng

$$Z_i = Z_{KH i} \times T_Z$$

$$z_i = \frac{Z_i}{Q_i}$$

### g) Tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này thường được áp dụng với doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc theo từng loạt hàng riêng biệt khác nhau về quy cách, nguyên vật liệu hoặc kỹ thuật. Mỗi đơn đặt hàng có thể là một sản phẩm, một loại sản phẩm, từng công trình hoặc từng công việc khác nhau.

Do đặc điểm nói trên mà công tác tổ chức chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm theo công việc thường được áp dụng cho doanh nghiệp xây dựng công nghiệp (xây lắp, đóng tàu, cơ khí chế tạo...). Để áp dụng phương pháp này, sản phẩm có đặc điểm: đơn chiếc, sản xuất theo đơn đặt hàng, có giá trị cao, được đặt mua trước khi sản xuất, có kích thước lớn.

- Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là đơn đặt hàng hoặc theo từng sản phẩm, loạt sản phẩm nhất định.

- Đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

- Đặc trưng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành theo công việc là các chi phí (NVLTT, chi phí NCTT, SXC) được tính cộng dồn và tích lũy theo công việc giúp nhà quản trị biết được giá thành từng công việc, so sánh với giá thành kế hoạch nhằm kiểm soát kịp thời chi phí và điều chỉnh, xử lý kịp thời quá trình chi phí của doanh nghiệp.

+ Chi phí NVLTT, chi phí NCTT: thường là đối tượng trực tiếp liên quan đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nên được tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng. Trường hợp một phân xưởng lại sản xuất nhiều đơn đặt hàng thì các chi phí này trước hết được tập hợp cho từng phân xưởng, trong mỗi phân xưởng sẽ chi tiết cho từng đơn đặt hàng.

+ Đối với chi phí sản xuất chung:

- Trong trường hợp mỗi phân xưởng chỉ tiến hành sản xuất một đơn đặt hàng, chi phí sản xuất chung cũng được tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng.

- Trường hợp một phân xưởng sản xuất nhiều đơn đặt hàng thì chi phí sản xuất sẽ được tập hợp riêng, sau đó tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp.

#### **1.2.3.4. Kế toán chi tiết tính giá thành sản phẩm**

+ Chứng từ kế toán sử dụng:

Hạch toán kế toán tính giá thành sản phẩm sử dụng các chứng từ: Bảng kê chi phí nguyên liệu, vật liệu; Bảng kê chi phí sản xuất chung; bảng phân bổ chi phí sản xuất; Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh; Thẻ tính giá thành sản phẩm...

+Quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Bước 1: Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh theo 3 khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Bước 2: Tổng hợp các khoản chi phí đã phát sinh, phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng có liên quan và tiến hành kết chuyển các khoản chi phí này về tài khoản giá thành.

Bước 3: Tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Bước 4: Tính giá thành sản phẩm trong kỳ

#### **1.2.3.5. Kế toán tổng hợp tính giá thành sản phẩm**

Kế toán sử dụng TK154 để tập hợp chi phí và xác định giá thành sản phẩm.

TK154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Bên nợ: tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Bên có: Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm và kết chuyển chi phí sản xuất dở dang.

Số dư cuối kỳ bên nợ phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ

TK154 được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Cuối kỳ kết chuyển chi phí sản xuất vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và tính giá thành sản phẩm.

#### **1.2.4. Tổ chức chứng từ, hệ thống sổ và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

##### **1.2.4.1. Tổ chức chứng từ kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

Các chứng từ cụ thể trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

- + Chứng từ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
  - Hoá đơn GTGT
  - Phiếu xuất kho hoặc phiếu yêu cầu vật tư
  - Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu
- + Chứng từ kế toán chi phí nhân công trực tiếp.
  - Bảng chấm công
  - Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành
  - Bảng thanh toán tiền lương
  - Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (trực tiếp)
- + Chứng từ kế toán chi phí sản xuất chung.
  - Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (gián tiếp)
  - Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (gián tiếp)
  - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
  - Phiếu xuất kho
  - Hoá đơn GTGT
  - Giấy báo nợ



- Phiếu chi
- + Chứng từ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
  - Phiếu kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - Phiếu kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp
  - Phiếu kết chuyển chi phí sản xuất chung
  - Phiếu tính giá thành sản phẩm
  - Phiếu xác nhận công việc hoặc sản phẩm hoàn thành...

#### **1.2.4.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

Tùy thuộc vào hình thức kế toán doanh nghiệp chọn mà tổ chức hệ sổ kế toán khác nhau. Hình thức kế toán thực chất là hình thức hệ thống sổ kế bao gồm các sổ kế toán tổng hợp, sổ chi tiết, các bảng phân bổ, bảng kê, sổ nhật ký...

Hiện nay, có bốn hình thức kế toán để các doanh nghiệp lựa chọn. Mỗi hình thức lại có hệ thống sổ sách kế toán để tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau. Cụ thể là:

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sử dụng các sổ:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

+ Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sử dụng các loại sổ:

- Nhật ký – sổ cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ

+ Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sử dụng các loại sổ:

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

+ Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sử dụng các loại sổ:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ ghi bằng tay. Ngoài hệ thống sổ kế toán trên kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phải tập hợp các báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành định kỳ theo quy định để cung cấp thông tin cho việc quản lý chi phí sản xuất và quản lý sản xuất.

Nội dung của báo cáo chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm bao gồm ba phần:

- Kê khối lượng và khối lượng tương đương
- Tổng hợp chi phí tính giá thành và giá thành đơn vị
- Cân đối chi phí

Trên đây là những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Nó chính là cơ sở của việc hạch toán kế toán chi phí trong mỗi doanh nghiệp.

**Chương 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU****2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Viglacera Đông Triều****◆Giới thiệu chung**

Tên công ty : Công ty cổ phần Viglacera Đông triều

Tên giao dịch quốc tế : Viglacera Đông Triều Joint Stock  
Company

Tên viết tắt : DTC

Trụ sở chính : Xuân Sơn - Đông Triều - Quảng Ninh

Điện thoại : 033 3870 038

Fax : 033 3670067

Mã số thuế : 5700486105

Số TK : 8003211010004 – tại Ngân hàng Nông nghiệp và  
phát triển nông thôn Đông triều – Quảng Ninh

**◆Quá trình hình thành**

Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều trực thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng. Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều được thành lập từ năm 1965 với tên gọi đầu tiên là Xí nghiệp gạch ngói Đông Triều.

Năm 1995 đổi tên thành công ty gốm xây dựng Đông Triều được đặt tại địa bàn xã Hồng Phong - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh.

Trước đây, công ty Viglacera Đông Triều là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng Viglacera. Đến ngày 14/01/2004 theo quyết định của Bộ xây dựng, công ty đã thực hiện cổ phần hoá với tên là công ty cổ phần Đông Triều Viglacera.

Ngày 01/04/2004 công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000226 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng ninh cấp với mức vốn điều lệ là 4, 5 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chiếm 51%.

Ngày 25/12/2006 công ty chính thức niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

Ngày 13/05/2008 công ty đổi tên thành công ty cổ phần Viglacera Đông Triều. Sau đó công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh QN cấp chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh số 22.03.000226 tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ lên 10 tỷ đồng.

#### ◆**Quá trình phát triển**

Từ năm 1993 đến năm 1996, được phép của Bộ xây dựng và sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng, công ty đã đầu tư hai dây chuyền chế biến tạo hình với các máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến hiện đại: một dây chuyền chế biến tạo hình đồng bộ của Tiệp, một dây chuyền chế biến tạo hình ITALIA – UCRAILA và hai hệ thống lò nung sấy tuynel với tổng công suất 80 triệu viên QTC/năm.

Đến năm 2002 công ty lại tiếp tục đầu tư một dây chuyền sản xuất gạch tại nhà máy Đông Triều và đưa vào hoạt động từ tháng 7/2002 với một dây chuyền chế biến tạo hình do Việt Nam sản xuất và một hệ thống lò Tuynel liên hợp có công suất 20 triệu viên QTC/năm.

Hiện nay công ty Viglacera Đông Triều có ba xí nghiệp là: nhà máy Đông Triều I, nhà máy Đông Triều II và nhà máy Đàm Hà. Cả ba nhà máy đều hoạt động có hiệu quả, sản phẩm sản xuất ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Năm 2005 công suất sản xuất của công ty là 120 triệu viên QTC, năm 2005 là 129 triệu viên QTC, đến năm 2006 là 129,5 triệu viên QTC.

Từ khi thực hiện cổ phần hoá, công ty đã mạnh dạn tiến hành đổi mới cả về chiều rộng và chiều sâu, đầu tư thiết bị công nghệ sản xuất hiện đại. sản phẩm của công ty ngày càng được nâng cao về chất lượng, đa dạng hoá về chủng loại đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước ( thị trường Đài Loan).

### **2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty**

#### **◆ Chức năng nhiệm vụ của công ty cổ phần Viglacera Đông Triều**

Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều có chức năng nhiệm vụ chính là sản xuất gạch ngói các loại, đảm bảo chất lượng, mẫu mã, đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng. Hiện tại công ty sản xuất một số sản phẩm chính như sau: gạch 2 lỗ, gạch 6 lỗ, gạch đặc, gạch 3 lỗ, gạch 4 lỗ.

#### **◆ Đặc điểm tổ chức sản xuất**

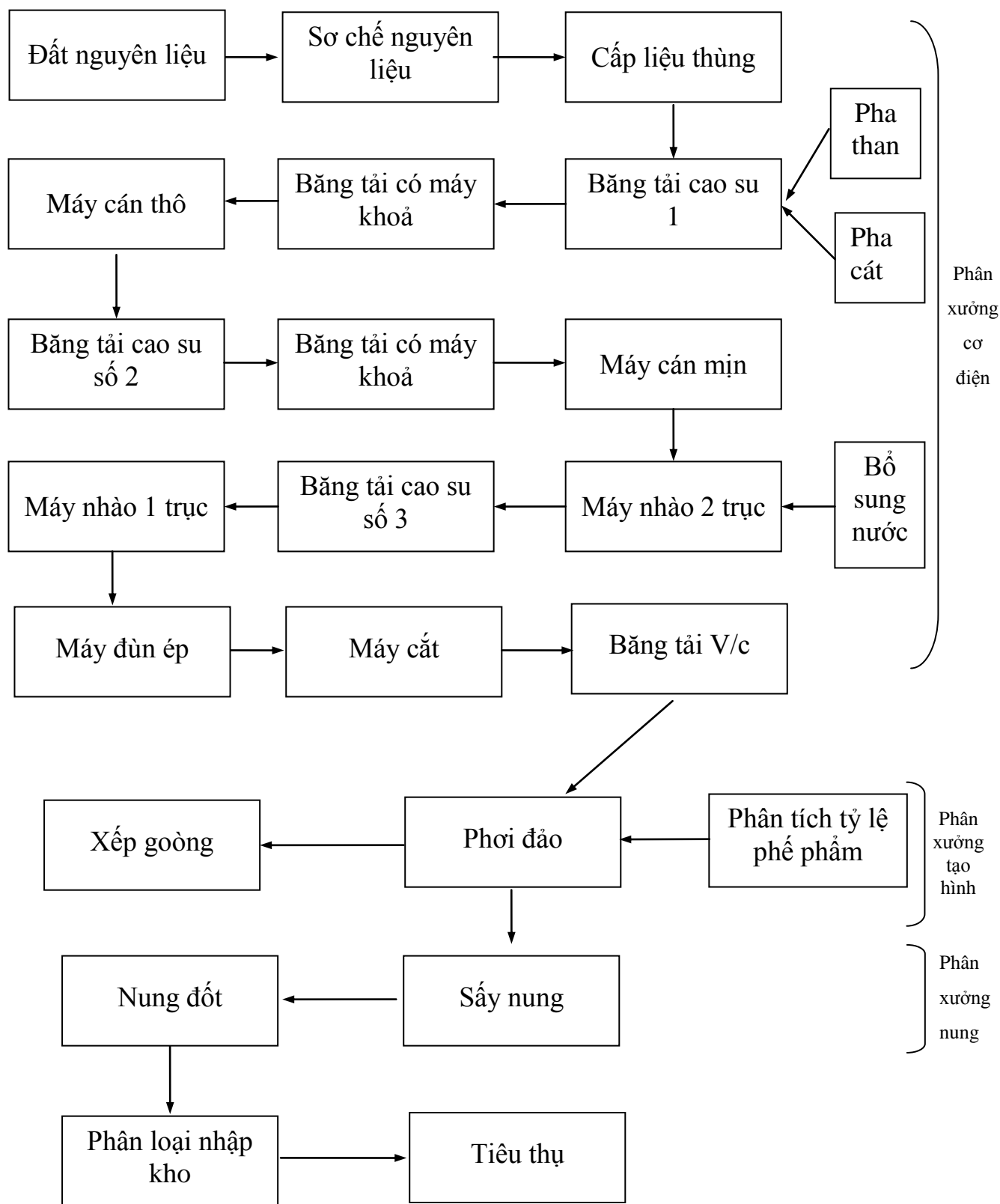
Sản phẩm của công ty cổ phần Viglacera Đông Triều chủ yếu là các loại gạch xây dựng, mỗi loại sản phẩm có hình dáng và tiêu chuẩn kỹ thuật khác nhau. Quy trình sản xuất gạch liên tục, phức tạp gồm nhiều công đoạn chế biến khác nhau. Do đó, nhà máy gạch được tổ chức thành 3 phân xưởng nhằm quản lý tốt quá trình sản xuất, hạn chế sản phẩm hỏng, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đó là: phân xưởng cơ điện, phân xưởng tạo hình và phân xưởng nung.

- Phân xưởng cơ điện: là phân xưởng có nhiệm vụ chế biến đất và than... để tạo ra sản phẩm là gạch mộc.

- Phân xưởng tạo hình: là phân xưởng có trách nhiệm phơi đảo gạch mộc cho khô theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật. Sau đó, xếp các gạch mộc khô lên xe goòng đến phân xưởng nung.

- Phân xưởng nung: Có 2 loại hệ lò: lò đứng và lò Tuynel. Tại đây tiến hành nung gạch mộc tạo ra sản phẩm gạch.

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất



Trong các phân xưởng lại chia thành các tổ sản xuất nhỏ. Các tổ sản xuất và nhiệm vụ của tổ sản xuất:

- ✓ Tổ nghiền than: thực hiện nghiền than mịn sau đó đưa qua cấp than để đưa vào máy cấp liệu thùng trộn đều đất và than với nhau.
- ✓ Tổ tạo hình: thực hiện cắt gạch mộc từ máy nhào trực và máy đùn ép chuyển ra nhà kính phơi.
- ✓ Tổ phơi: thực hiện phơi đảo gạch tại nhà kính đảm bảo cho gạch được phơi khô theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi đưa vào hầm sấy.
- ✓ Tổ vận chuyển: vận chuyển gạch mộc từ nhà kính phơi vào khu lò nung.
- ✓ Tổ xếp goòng: xếp gạch khô lên các xe goòng để đưa vào lò nung.
- ✓ Tổ đốt lò gạch: đưa các goòng chứa gạch vào hầm sấy và lò nung, đảm bảo hầm sấy và lò nung Tuynel hoạt động liên tục, sản phẩm đạt chất lượng cao.
- ✓ Tổ ra lò: sau khi gạch được đốt chín thành thành phẩm, tổ thực hiện chuyển ra kho thành phẩm và phân loại gạch, ban nghiệm thu sẽ kiểm tra nghiệm thu thành phẩm.
- ✓ Tổ cơ khí: sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng.
- ✓ Tổ bốc xếp: bốc sản phẩm lên phương tiện vận chuyển cho khách mua hàng.

Quy trình sản xuất gạch trải qua 4 giai đoạn khác nhau:

+ Quy trình sơ chế đất sét: Đất khai thác phải được kiểm tra về chất lượng như tỷ lệ cát lẫn trong tự nhiên  $\leq 60\%$ , không lẫn đá xanh, cỏ, rác, kích thước đá trong nguyên liệu  $\leq 10$  cm. Sau khoảng thời gian  $\geq 3$  tháng dưới tác dụng của thời tiết (mưa, nắng, gió, độ ẩm...) đất sét đã được phong hoá chủ yếu ở lớp bề mặt với chiều dày khoảng 1m. Dùng máy ủi, ủi 1 lớp có chiều dày là  $50 \div 60$  cm trên toàn bộ mặt bằng bãi sơ chế phong hoá về lô số 1 trước khu gia công cách cấp liệu thùng khoảng  $40 \div 50$  m để chuẩn bị sơ chế. Đất sau khi được sơ chế ở lô số 1 và 2, đạt tiêu chuẩn được ủi về lô số 3, khi ủi tiếp tục nhặt đá, tạp chất, đất sống và phun nước bổ sung độ ẩm đạt  $16 \div 17\%$ . Đất sau sơ chế tại lô số 3 trước khi đưa vào sản xuất phải được ngâm ủ trong thời gian  $> 7$  giờ, khối lượng dự trữ tại lô số 3 là  $250\text{m}^3/1\text{ca}$ .

+ Quy trình công nghệ sản xuất bán thành phẩm: Đất sét đạt tiêu chuẩn được máy gạt và công nhân cuốc đất vào thùng cấp liệu sao cho dòng đất ở máy cấp liệu rơi đều xuống băng tải xích. Máy đánh tơi và cánh công điều phối lượng nguyên liệu được cấp đều xuống băng tải xích. Phụ gia cát đồi, than cám được chuyển về vị trí gần cấp liệu nơi băng tải pha phụ gia, tỷ lệ pha phụ gia được tính toán căn cứ vào lượng phụ gia tự nhiên có trong nguyên liệu. Đất sét và cát, than cám được pha trộn cùng đi xuống băng tải cao su số 1, từ đây phối liệu đất + phụ gia được quả cán thô nghiền, trộn đều sơ bộ. Sau đó được máy ép chà sát làm vỡ cấu trúc thô ban đầu, đất và các nguyên liệu khác được lên ép thành các dải mỏng có độ dày mỏng khác nhau. Để làm ẩm phối liệu trên máy có gắn hệ thống bổ sung nước, điều khiển bằng van khoá. Nước bổ sung vào phối liệu ở dạng mưa phun tưới đều lên phối liệu nằm trong máy. Ở đầu máy có gắn hệ thống dao thái có tác dụng cắt nhỏ phối liệu đất thành từng lát mỏng rơi xuống buồng chân không. Phối liệu được ruột gà đùn ép, lên ép và đùn ra miệng tạo hình qua mẫu khuôn đã được thiết kế gắn ở miệng đùn.

+ Quy trình vận chuyển, phơi đảo, bích kho bán thành phẩm: Sau khi tạo hình sản phẩm có độ ẩm từ 17,5 ÷ 18,5% được công nhân vận chuyển đem phơi. Những viên sản phẩm không đạt tiêu chuẩn được loại bỏ ngay từ trong máy, vận chuyển ra bãi đổ phế phẩm mộc. Mặt bằng phơi đảo phải được vệ sinh sạch sẽ. Trước khi công nhân bốc gạch phía ngoài đem đi phơi đảo cần kiểm tra độ ẩm lớp gạch phía ngoài. Độ ẩm đem phơi coi là đạt yêu cầu khi bóp mạnh mà không có vết tay. Trong quá trình phơi đảo công nhân phải thường xuyên kiểm tra và đảo đầu viên sản phẩm để viên mộc có thể khô đều. Sản phẩm bích kho phải được căng dây thẳng hàng, phân loại theo màu sắc và độ ẩm từng kho. Sản phẩm bích kho theo thứ tự lần các kho, hết kho thì mới được chuyển kho, tránh tình trạng bích vòng tròn bao vây sản phẩm khô ở trong, ẩm ở ngoài.

+ Quy trình nung bán thành phẩm: Sau khi phơi đảo, bích kho, gạch mộc được xếp trên goòng, xếp chéo nhau sao cho trục các lỗ rỗng có cùng chiều với trục lò nung. Các viên gạch mộc phải xếp thẳng đứng, không nghiêng ngã. Sau đó



đem nung sấy trong một thời gian nhất định. Gạch ra lò là gạch chín được phân chia thành các thứ hạng phẩm cấp (loại 1, loại 2, loại 3) dựa theo hình dáng, màu sắc bên ngoài. Sau đó, thủ kho căn cứ vào kết quả kiểm kê làm thủ tục nhập kho thành phẩm.

### **2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Viglacera Đông Triều**

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến, kiểu tổ chức này rất phù hợp với công ty trong tình hình hiện nay, nó gắn liền cán bộ công nhân viên của công ty với chức năng và nhiệm vụ của họ cũng như có trách nhiệm đối với công ty. Đồng thời các mệnh lệnh, nhiệm vụ và thông báo tổng hợp cũng được chuyển từ lãnh đạo công ty đến cấp cuối cùng. Tuy nhiên nó đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban trong công ty. Điều đó được thể hiện thông qua chức năng của từng bộ phận như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của công ty và có nhiệm vụ :

- ✓ Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty
- ✓ Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- ✓ Các nhiệm vụ khác do điều lệ công ty quy định

**Hội đồng quản trị:** Gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ triển khai thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Hội đồng quản trị có quyền quyết định các vấn đề về: kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở mục tiêu Đại hội cổ đông đề ra, quyết định cơ cấu của công ty, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh Giám đốc, phó Giám đốc, kế toán trưởng công ty... Ngoài ra còn một số quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty.

❖ **Ban kiểm soát:** Gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có quyền: được tham gia ý kiến chỉ định công ty kiểm toán độc lập, thảo luận các vấn đề với cơ quan kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán, kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng hoặc 1 năm, thảo luận các vấn đề khó khăn, tồn tại của các cuộc kiểm tra... Ngoài ra Ban kiểm soát còn có một số quyền hạn và trách nhiệm khác quy định theo Điều lệ của Công ty.

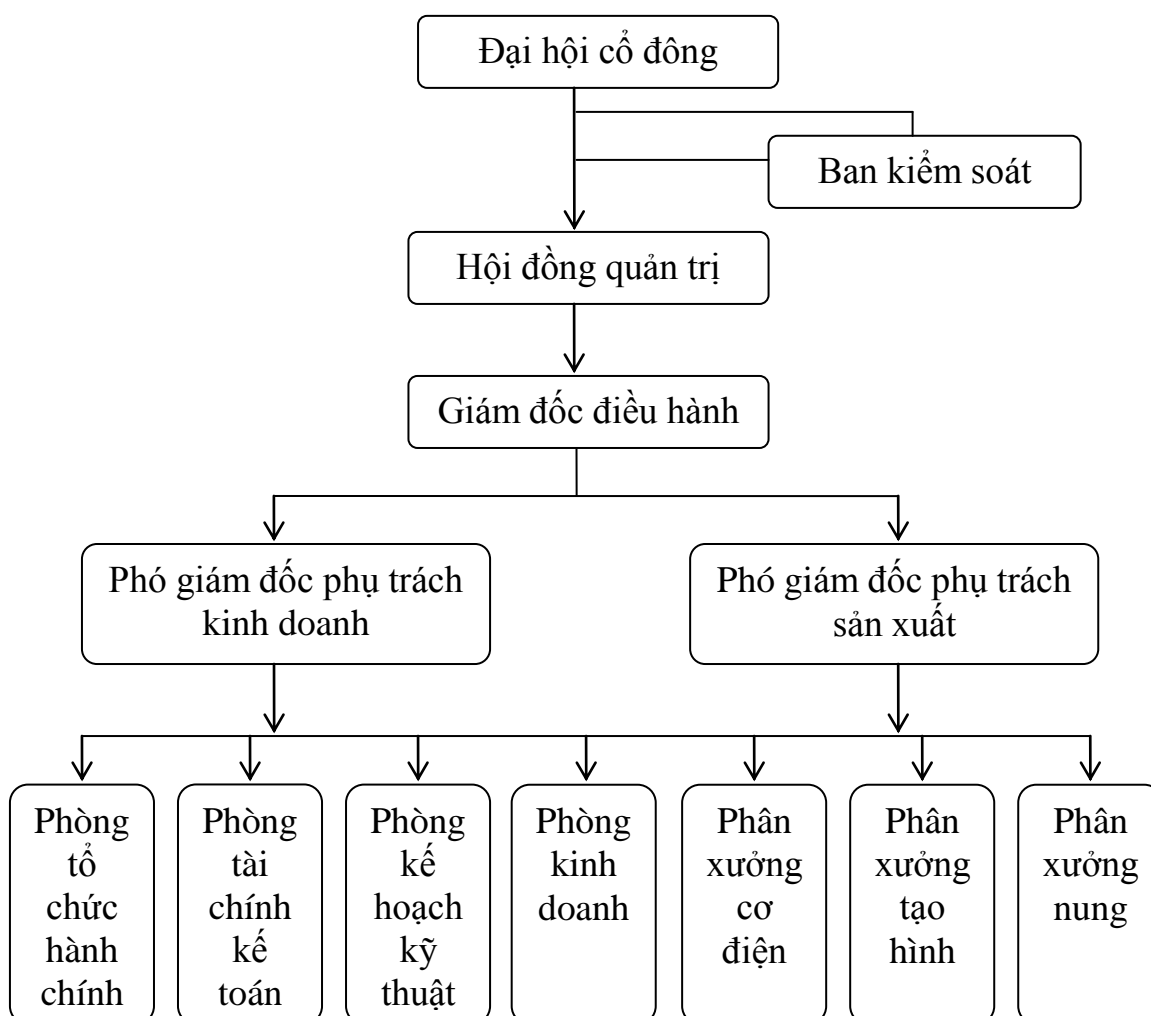
❖ **Giám đốc công ty:** Do Hội đồng quản trị chỉ định ra và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về mọi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Giám đốc công ty là thành viên của Hội đồng quản trị. Giám đốc điều hành có quyền đề xuất với Hội đồng quản trị quyết định về cơ cấu của công ty, đề xuất nhân sự của bộ máy giúp việc và quyết định các vấn đề về hoạt động sản xuất của công ty. Giám đốc điều hành là đại diện pháp nhân của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh do mình quyết định. Ngoài ra Giám đốc điều hành còn có một số quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ của công ty.

❖ **Phó giám đốc:** Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và có trách nhiệm giúp việc cho Giám đốc điều hành một số mặt công tác theo phân công của Giám đốc. Phó giám đốc công ty có quyền tham gia vào việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của công ty; có quyền thay Giám đốc công ty quyết định các vấn đề liên quan theo phân công uỷ quyền của Giám đốc, trực tiếp phụ trách công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có quyền đề nghị Giám đốc công ty khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, miễn nhiệm với các chức danh cán bộ quản lý sản xuất... và một số quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của công ty.

❖ **Kế toán trưởng:** do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về hoạt động tài chính kế toán của công ty, giúp giám đốc điều hành hoạt động quản lý tài chính của công ty.

Các phòng ban chức năng có nhận định thực hiện các công việc do Giám đốc giao theo đặc điểm chức năng riêng được phân nhiệm.

- ❖ **Phòng Tổ chức lao động:** gồm hai bộ phận:
  - ✓ Bộ phận tổ chức lao động: giúp giám đốc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động, xây dựng định mức lao động, tuyển dụng lao động.
  - ✓ Bộ phận hành chính: triển khai công việc phục vụ, hành chính văn phòng.
- ❖ **Phòng MAR:** thực hiện khai thác tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, tổ chức mạng lưới cung ứng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng và trực tiếp bán hàng cho người tiêu dùng.
- ❖ **Phòng kế hoạch đầu tư:** chịu trách nhiệm thẩm định dự án lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, hoàn tất thủ tục đầu tư, quản lý và phát triển dự án.
- ❖ **Phòng kỹ thuật:** có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra các quy trình công nghệ sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào sản xuất.
- ❖ **Phòng Tài chính- Kế toán:** giúp giám đốc thực hiện pháp luật kế toán, thống kê, có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, phân tích đánh giá thông qua việc ghi chép nhằm đưa ra các thông tin hữu ích cho ban Giám đốc trong việc ra quyết định, xây dựng kế hoạch và triển khai thị trường vốn, quản lý, sử dụng vốn có hiệu quả, lập báo cáo về tình hình tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước, tính toán và ghi chép chính xác, kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ tài sản và nguồn vốn kinh doanh của công ty.

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty**

#### 2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích hiện nay của công ty

##### ◆ Thuận lợi

Trong quá trình thành lập và phát triển, công ty đã xây dựng được vị thế của mình trong và ngoài thành phố. Công ty đã tạo được chỗ đứng và thương hiệu trên thị trường, được bạn hàng tin tưởng

- Công ty sở hữu thương hiệu Viglacera là thương hiệu mạnh trong sản xuất gạch và gốm xây dựng ở Việt Nam.

- Bộ máy lãnh đạo có đường lối chỉ đạo đúng đắn, thích ứng với tình hình mới, đội ngũ lao động lành nghề, tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết...

- Công ty có uy tín trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng các sản phẩm gạch nung.

- Thị trường xây dựng có dấu hiệu khả quan sau khi Chính Phủ có các biện pháp quyết liệt giải quyết nợ đọng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, các công trình có nguồn vốn từ ngân sách cũng như cải cách hành chính theo chiều hướng thông thoáng.

- Công ty đặt gần tại các khu đồi đất sét, các mỏ than, xỉ nghiệp cát...nên có nguồn nguyên liệu cung ứng dồi dào, tiết kiệm chi phí vận chuyển

- Trang thiết bị máy móc hiện đại, luôn tiếp cận với công nghệ mới

- Các sản phẩm phong phú đa dạng cả về chủng loại và mẫu mã

- Đội ngũ công nhân có nhiều kinh nghiệm và trình độ tay nghề cao

- Do chất lượng cuộc sống ngày càng cao nên việc xây dựng các cơ sở hạ tầng có nhu cầu tăng

#### ◆ **Khó khăn**

Với nền kinh tế mở hiện nay, mang lại nhiều cơ hội cũng như không ít khó khăn cho các công ty, nếu các công ty không năng động, không cùng hòa nhập với xu thế chung thì rất dễ bị bỏ rơi lại phía sau. Công ty cổ phần Viglacera cũng không tránh khỏi những khó khăn trở ngại sau :

- Trên địa bàn huyện xuất hiện nhiều cơ sở tư nhân sản xuất các sản phẩm cùng loại tạo ra sự cạnh tranh cao, ảnh hưởng đến thị phần của Công ty. Điều này cũng ảnh hưởng đến đội ngũ lao động gây khó khăn cho Công ty trong thời kỳ cao điểm của sản xuất.

- Trong thời gian gần đây khi mà tỷ lệ lạm phát ở nước ta ở mức cao, giá cả mọi mặt hàng đều tăng với mức độ chóng mặt. Khó khăn mà công ty gặp phải đó là sự biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào đã làm tăng chi phí hoạt động kinh doanh.

#### ◆ **Thành tích**

Với sự nỗ lực của Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều đã từng bước đi lên, vững bước trên thị trường, điều đó thể hiện qua một số chỉ tiêu kinh tế mà công ty đã đạt được trong vài năm gần đây:

**Biểu 2.1 : Bảng so sánh kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1. Tổng doanh thu	92.814.546.233	112.975.321.768	150.112.488.544
2. Lợi nhuận trước thuế	11.231.455.000	13.674.911.434	19.817.596.301
3. Tổng số lao động	630	605	1116
4. Thu nhập bình quân	2.500.000	3.230.000	3.845.000

(Số liệu được lấy từ các báo cáo tại phòng TCKT của Công ty)

Thu nhập bình quân năm tới : 4.500.000 đ/người/tháng

Tạo công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước

Mục tiêu của công ty trong giai đoạn tới là tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động sản xuất truyền thống, triển khai có hiệu quả các ngành nghề sản xuất kinh doanh mới đặc biệt là sản xuất các loại gạch mỏng có giá trị kinh tế cao, nâng cao thương hiệu, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường. Để đạt được mục tiêu trên, ban lãnh đạo của công ty đã đề ra phương hướng như sau:

- Đặt mục tiêu duy trì sản lượng sản xuất và tiêu thụ ổn định theo các năm, giảm thiểu chi phí và đẩy mạnh công tác tiêu thụ, mở rộng mạng lưới và các địa điểm bán hàng sang các thị trường khác.

- Về sản xuất:

- Thực hiện việc sản xuất theo đúng quy định đã được thông qua, bám sát việc sản xuất theo từng giai đoạn một cách hiệu quả nhất.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế đấu thầu của các nhà cung cấp nguyên nhiên liệu theo đúng quy định nhằm giảm giá thành sản phẩm.
- Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, nâng cao năng suất lao động, khuyến khích, động viên kịp thời các tổ đội hoàn thành từng phần kế hoạch đã đặt ra.

- Về công tác tiêu thụ:

- Đẩy mạnh các biện pháp marketing nhằm mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng phục vụ tới từng hộ tư nhân.
- Giữ vững thị trường truyền thống, đồng thời có những dự báo về sản lượng các loại mặt hàng để sớm có kế hoạch điều chỉnh sản xuất phù hợp với thị hiếu của thị trường.
- Nghiên cứu tăng giá bán phù hợp tại các vùng thị trường đảm bảo tăng doanh thu song không làm giảm thị phần.
- Tăng cường công tác thu hồi nợ nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

- Về mặt nhân lực:

- Công ty chú trọng tuyển chọn, đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ về chuyên môn.
- Đào tạo nâng bậc, nâng cao tay nghề cho công nhân.
- Áp dụng hệ thống lương, thưởng theo sản phẩm nhằm phát huy tối đa hiệu quả làm việc.

### **2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty**

#### **2.1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán**

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán và xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, bộ máy kế toán của công ty được sắp xếp tương đối gọn nhẹ, hợp lý theo mô hình tập trung với một phòng tài chính kế toán trung tâm được trang bị máy vi tính. Các cán bộ phòng tài chính kế toán của công ty đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chuyên môn vững vàng, nhiệt tình và năng động.

Với mô hình tổ chức kế toán trên, toàn bộ công tác kế toán được tập trung tại phòng kế toán, từ khâu tổng hợp số liệu, ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán, phân tích kiểm tra kế toán... Còn ở các Xí nghiệp không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác hạch toán ban đầu, kiểm tra chứng từ, thu thập và ghi chép vào sổ sách. Cuối tháng,

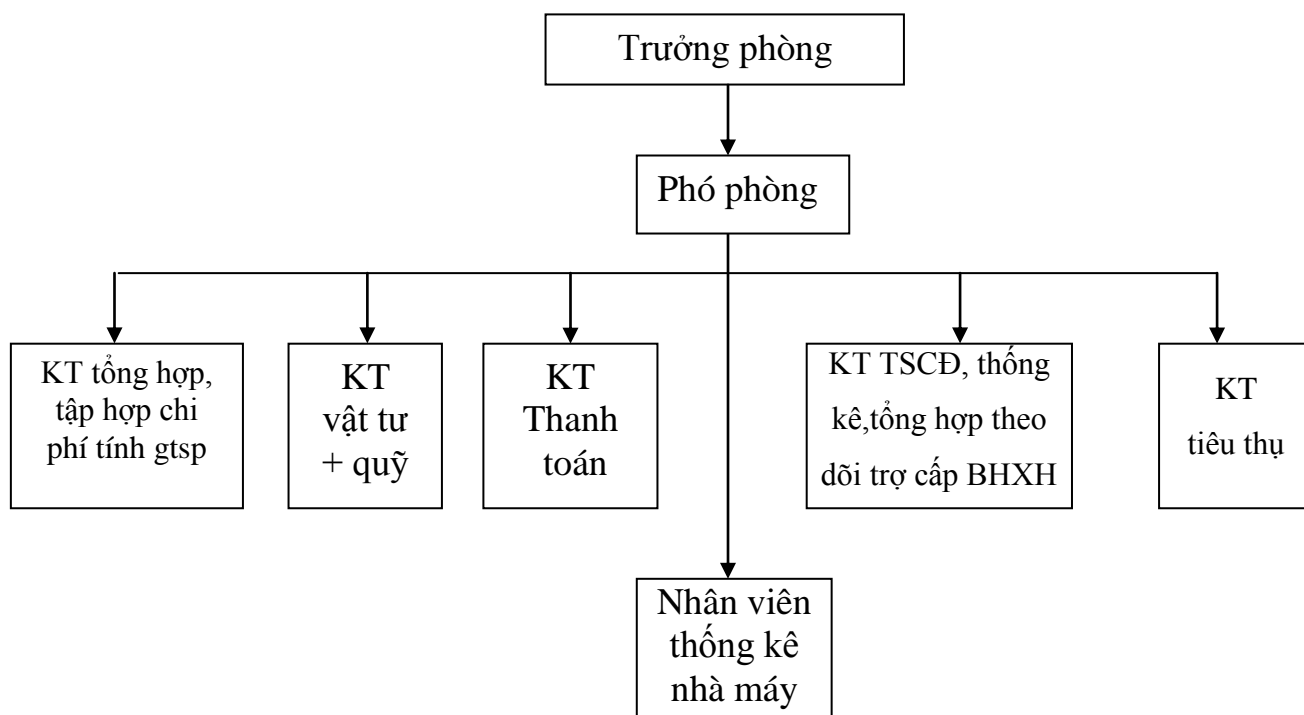
chuyển chứng từ cùng các báo cáo về phòng tài chính kế toán của công ty để xử lý và tiến hành công việc kế toán. Về mặt nhân sự, các nhân viên đó chịu sự quản lý của Giám đốc, phòng tài chính kế toán của công ty chịu trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra đội ngũ nhân viên này về mặt chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ chuyên môn.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty bao gồm:

- **Trưởng phòng tài chính kế toán (Kế toán trưởng):** Là người phụ trách chung công việc của phòng tài chính kế toán; chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên kế toán. Hàng tháng có nhiệm vụ lập các báo cáo quyết toán đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Nhà nước về thông tin do mình cung cấp.

- **Phó phòng tài chính kế toán:** tổng hợp, kiểm tra kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh cuối tháng, quý, năm.

**Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty**



- **Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành:** Có nhiệm vụ tập hợp các chi phí có liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm để tính giá thành sản phẩm.



- **Kế toán vật tư + quỹ:** Có nhiệm vụ theo dõi, hạch toán chi tiết và tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, cập nhật thu, chi tiền mặt hàng ngày.

- **Kế toán thanh toán:** Có nhiệm vụ thanh toán lương, bảo hiểm, thanh toán với người mua và thanh toán với người bán, theo dõi các khoản phải thu, phải trả; tình hình thanh toán tạm ứng, sự tăng giảm tiền vay, tiền gửi, trả nợ vay Ngân hàng.

- **Kế toán TSCĐ, thống kê, tổng hợp theo dõi trợ cấp BHXH:** theo dõi tình hình biến động tăng giảm của tài sản cố định, trích khấu hao hàng tháng, lập báo cáo thống kê định kỳ, quyết toán trợ cấp BHXH.

- **Kế toán tiêu thụ:** làm công tác viết hoá đơn bán hàng và theo dõi doanh thu kho thành phẩm.

- **Nhân viên thống kê nhà máy:** theo dõi ghi chép mọi hoạt động của nhà máy về lao động, số lượng sản phẩm sản xuất, tình hình tiêu hao vật tư, lập báo cáo thông tin kinh tế hàng ngày về phòng tài chính kế toán công ty. Cuối tháng thực hiện khối lượng sản phẩm dở dang, tổng hợp các số liệu để quyết toán chi phí nhận khoán, thu nhập để tính lương cho công nhân viên nhà máy.

Tuy có sự phân chia giữa các phần hành kế toán, nhưng giữa các bộ phận này luôn có sự kết hợp với nhau. Việc hạch toán trung thực, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả ở khâu này sẽ là nguyên nhân, tiền đề cho khâu tiếp theo, đảm bảo cho toàn bộ hệ thống kế toán hoạt động có hiệu quả.

### **2.1.5.2. Các chính sách kế toán chung**

Chế độ kế toán áp dụng hiện nay tại công ty:

- + Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- + Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép hạch toán: VNĐ theo nguyên tắc hạch toán giá gốc.
- + Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- + Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ

+ Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, sản phẩm hàng hóa: Theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cố định.

+ Sản phẩm dở dang cuối kỳ được xác định theo sản lượng hoàn thành tương đương và tỷ lệ thu bình quân theo khoán.

+ Phương pháp kế toán tài sản cố định: Đánh giá theo nguyên giá và khấu hao lũy kế nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua ghi trên hóa đơn và các chi phí liên quan.

### **\* Hình thức kế toán**

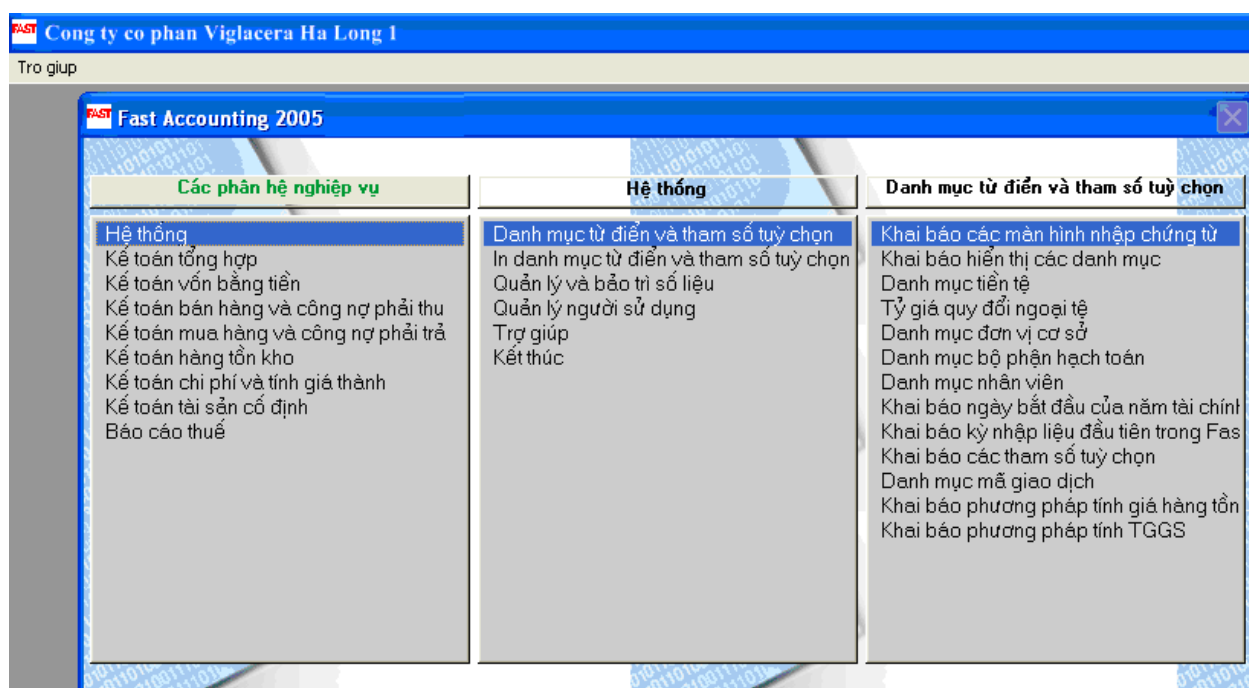
Hình thức kế toán đang áp dụng tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều là hình thức Nhật ký chung. Công ty sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán kế toán. Phần mềm mà Công ty áp dụng là Fast Accounting 2005 của Công ty phần mềm tài chính kế toán Fast, cho phép lựa chọn giao diện bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh tùy theo yêu cầu của người sử dụng.

Fast Accounting 2005 có tính bảo mật cao do có mật khẩu cho từng người dùng và cho phép phân quyền cho người sử dụng đến từng chức năng của chương trình. Phần mềm này tổ chức các phân hệ nghiệp vụ sau:

- Phân hệ kế toán tổng hợp
- Phân hệ kế toán tiền mặt và tiền ngân hàng
- Phân hệ bán hàng và công nợ phải thu
- Phân hệ mua hàng và công nợ phải trả
- Phân hệ kế toán hàng tồn kho
- Phân hệ kế toán chi phí và giá thành
- Phân hệ quản lý TSCĐ
- Phân hệ báo cáo thuế
- Phân hệ báo cáo tài chính

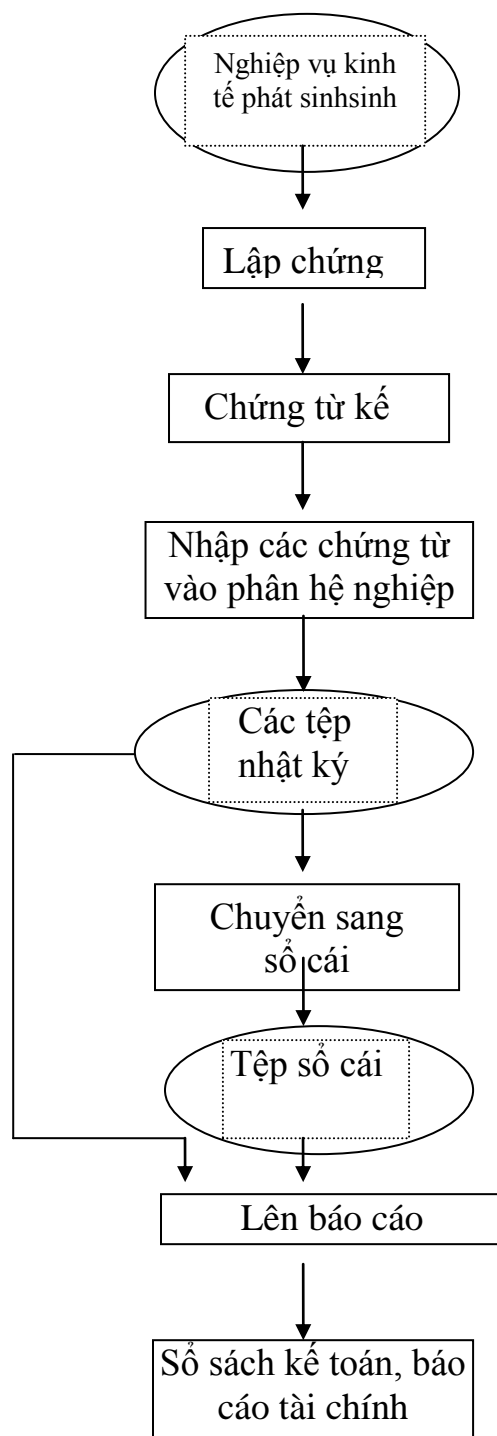
Số liệu được cập nhật ở các phân hệ được lưu ở phân hệ của mình, ngoài ra còn chuyển các thông tin cần thiết sang các phân hệ khác và chuyển sang phân hệ kế toán tổng hợp để lên các sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị chi phí và giá thành. Đây là phần mềm hiện nay đang được rất nhiều công ty sử dụng, với phần mềm này giúp cho công ty khai thác được các thông tin kế toán và quản trị kinh doanh hiệu quả cao. Ngoài ra, công ty còn sử dụng chương trình Microsoft Word và Microsoft Excel.

### *Ví dụ: Giao diện chức năng phần mềm Fast*



Đối với phần mềm Fast Accounting, các chứng từ kế toán đều được xử lý, phân loại và định khoản kế toán tùy theo từng chứng từ trong các phân hệ nghiệp vụ. Kế toán chỉ cần nhập dữ liệu đầu vào cho máy thật đầy đủ và chính xác, còn thông tin đầu ra như: sổ nhật ký chung, sổ cái, các sổ chi tiết, các báo cáo kế toán đều do máy tự xử lý, luân chuyển, tính toán và đưa ra các biểu bảng khi cần in.

Quy trình xử lý số liệu trong Fast Accounting 2005 được mô tả thông qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán máy**

Để thuận tiện cho công tác quản lý và công tác hạch toán, kế toán cần phải khai báo các đối tượng thông tin được quản lý trong Fast Accounting ở các danh mục như: Danh mục tài khoản, tiêu khoản, Danh mục khách hàng, Danh mục kho, Danh mục vật tư, Danh mục phân nhóm vật tư, Danh mục tiền tệ... Chẳng hạn, khi khai báo Gạch rỗng 2 lỗ mã GR60-2T ta làm các bước như sau: Từ màn hình

*Windows* chọn biểu tượng **Fast**, kích đúp chuột trái vào biểu tượng, máy chuyển động vào màn hình nhập **mật khẩu** chương trình, ta gõ mật khẩu vào và bấm **Enter** thì máy sẽ chuyển tới giao diện chính của phần mềm kế toán. Từ giao diện chính này ta chọn “**Kế toán hàng tồn kho**” sau đó chọn “**Danh mục từ điển**” đến “**Danh mục vật tư hàng hóa**” nhấn **F4** hiện ra bảng “**thêm vật tư**” rồi sau đó gõ **Enter**

### **2.1.5.3. Hệ thống chứng từ kế toán của công ty**

- Nhóm chứng từ tiền tệ: Phiếu thu, phiếu chi, kiểm kê quỹ...
- Nhóm chứng từ TSCĐ: Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ...
- Nhóm chứng từ hàng tồn kho: Phiếu nhập xuất biên bản giao nhận, bảng kê, biên bản kiểm kê kho...
- Nhóm chứng từ về lao động tiền lương: Bảng chấm công, bảng tính lương...
- Nhóm chứng từ về bán hàng: HĐ GTGT, hóa đơn bán lẻ...

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty**

### **2.2.1. Đặc điểm và yêu cầu quản lý tại công ty**

Để các đối tượng kế toán liên quan đến công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp phải tiến hành mã hóa các đối tượng kế toán liên quan đến công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Các đối tượng kế toán của Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều được mã hóa theo phương pháp mã số gọi nhớ kết hợp với mã số liên tiếp, tức là ta sử dụng các chữ cái đầu tiên của tên sản phẩm mang tính chất gọi nhớ đến sản phẩm, sau đó dùng mã liên tiếp để phân biệt cho các đối tượng. Tùy thuộc vào từng đối tượng mà sử dụng cách mã hóa phù hợp.

Cụ thể:

- Về mã hóa về sản phẩm của Công ty: Công ty sử dụng phương pháp gọi nhớ để mã hóa cho các loại sản phẩm của Công ty:

Gạch đặc: GD60

Gạch rỗng 2 lỗ: GR60-2T

Gạch rỗng 4 lỗ: GR60-4T

Gạch rỗng 6 lỗ: GR150-6T

- Về mã hóa nguyên vật liệu: Công ty mã hóa vật liệu bằng cách kết hợp chữ cái đầu tiên và đánh số liên tiếp cho từng loại.

Ví dụ: Nguyên vật liệu chính đất: Đ0001

Nguyên vật liệu phụ than: T0002

Nhiên liệu dầu diezeen: Đi0003

Nhiên liệu dầu bôi trơn: DB004

Tất cả các đối tượng của Công ty đều được mã hóa để thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm và quản lý đối tượng. Khi kế toán muốn xem các danh mục được mã hóa trong Công ty thì có thể chọn phím F5 hoặc chọn xâu lọc để chỉ ra tên một đối tượng hoặc chỉ cần gõ mã nên biết được mã quản lý của các đối tượng.

### **2.2.2. Tổ chức đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà chi phí cần được tập hợp. Mặc dù đặc điểm quy trình sản xuất gồm nhiều giai đoạn kế tiếp nhau nhưng vì quy mô doanh nghiệp không lớn, số lượng nghiệp vụ ít nên công ty coi quy trình sản xuất là một quy trình liên tục, khép kín. Do đó, đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình sản xuất, đối tượng chịu chi phí là từng loại gạch. Chi phí sản xuất được tập hợp theo toàn bộ quy trình sản xuất, sau đó phân bổ chi phí cho từng loại gạch theo tiêu thức phân bổ phù hợp. Từ đó tính giá thành sản phẩm cho từng loại gạch.

Các loại sản phẩm gạch của nhà máy gồm:

- Gạch 2 lỗ
- Gạch 3 lỗ
- Gạch 4 lỗ
- Gạch 6 lỗ
- Gạch đặc

Gạch 2 lỗ được lấy làm chuẩn để tính giá thành các loại gạch còn lại. Tất cả các sản phẩm gạch 4 lỗ, 6 lỗ, gạch đặc và sản phẩm gạch mộc khi nhập kho đều

được quy đổi về gạch 2 lỗ để tính giá thành theo hệ số quy đổi sẵn của nhà máy theo bảng sau:

**Biểu 2.2: Bảng hệ số quy đổi sản phẩm của công ty**

STT	Tên Sản phẩm	ĐVT	Hệ số quy đổi
1	Gạch 2 lỗ	Viên	1
2	Gạch 3 lỗ	Viên	1.56
3	Gạch 4 lỗ	Viên	2
4	Gạch 6 lỗ tròn	Viên	2.5
5	Gạch 6 lỗ vuông	Viên	2.5
6	Gạch đặc	Viên	1.4

## 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty

### 2.2.2.1. Tổ chức kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty chiếm khoảng 30% trong tổng chi phí sản xuất, bao gồm toàn bộ chi phí nguyên vật liệu xuất dùng vào sản xuất trực tiếp trong kỳ. Nguyên vật liệu trực tiếp tham gia vào sản xuất đ-ợc hạch toán trên TK 621. TK 621 được mở chi tiết cho từng nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính là đất.
- Vật liệu phụ là Than.
- Nhiên liệu gồm dầu điezen, dầu bôi trơn.
- Phụ tùng thay thế như bánh răng, băng tải, dây đai.

Các sổ sách sử dụng: Bảng kê chi tiết xuất nguyên liệu cho sản xuất, Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn, Nhật ký chung, Sổ cái TK621.

Tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu được theo dõi chi tiết trên TK152 ( chi tiết theo từng khoản nguyên vật liệu ). Việc nhập – xuất nguyên vật liệu được theo dõi chặt chẽ thông qua nhiệm vụ sản xuất cụ thể là kế hoạch sản xuất.

Phương pháp tính giá thành nguyên vật liệu xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.

**\* Trình tự kế toán:**

Căn cứ kế hoạch sản xuất gạch trong tháng, phòng kỹ thuật tính toán lượng nguyên liệu cần thiết, lập yêu cầu cung ứng nguyên liệu chuyển lên phòng kế hoạch, phòng vật tư và phó giám đốc kỹ thuật xác nhận. Sau khi hoàn thành các thủ tục xem xét, xác nhận, phòng vật tư lập phiếu xuất kho nguyên liệu theo yêu cầu sản xuất. Phiếu xuất kho gồm 3 liên:

- + Liên 1: lưu phòng vật tư
- + Liên 2: lưu phòng tài chính kế toán
- + Liên 3: thủ kho giữ

Thủ kho căn cứ phiếu đề nghị lĩnh vật tư xuất nguyên liệu và 1 liên phiếu xuất thực hiện xuất kho, sau đó chuyển chứng từ lên phòng kế toán để thực hiện hạch toán. Tại phòng kế toán sau khi đối chiếu tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ và nhập vào máy. Trên phiếu xuất kho, chỉ ghi số lượng, chưa ghi đơn giá và thành tiền.

Từ màn hình giao diện của Fast kế toán chọn đường dẫn: Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Phiếu xuất kho.

Ví dụ: ngày 15/01/2010, xuất 68 tấn than cám 6 và 278.872kg đất sét phục vụ sản xuất.

Trên màn hình giao diện kế toán điền các thông tin sau:



Mã giao dịch 4 xuất cho sản xuất	Số px: 15			
Địa chỉ: Phân xưởng cơ điện	Ngày ht: 15/01/2010			
Người nhận hàng: Nguyễn Đức Tài	Ngày lập px: 15/01/2010			
Diễn giải: Phục vụ sản xuất				
Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng
D0001	Đất sản xuất gạch	Kg	KH01	278.872
T0002	Than cám	Tấn	KH01	68

Sau khi nhập xong dữ liệu nhấn nút **Lưu**

Cuối kỳ, máy tính tự động tính giá vốn vật tư xuất kho và tự động điền đơn giá, trị giá vật tư xuất kho vào các phiếu xuất. Khi nhập các phiếu xuất, nhập kho vật tư phần mềm kế toán tự động chuyển số liệu đến các sổ cái liên quan như Sổ cái 152, 621 đồng thời vào Sổ nhật ký chung.

**\*Xem, in sổ sách báo cáo:**

Muốn xem, in các loại sổ thì ta thực hiện theo trình tự sau: Từ giao diện chính của phần mềm ta chọn **Kế toán tổng hợp**, sau đó chọn **Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**, tiếp theo chọn loại sổ mà ta muốn xem, in. Sau đó trên giao diện phần mềm sẽ hiện lên 1 bảng, ta nhập các thông tin cần thiết vào: tên TK, ngày tháng, mã đơn vị --> chọn nút **Nhận**.

Muốn xem, in Báo cáo tài chính thực hiện như sau: Từ giao diện chính của phần mềm chọn **Báo cáo quản trị phân tích theo đơn vị cơ sở** --> **Báo cáo tài chính** --> chọn loại báo cáo muốn xem. Sau đó hiện lên bảng ta nhập thông tin cần thiết: ngày báo cáo, loại báo cáo (năm hay giữa niên độ), mã đơn vị --> chọn nút **Nhận**.

Cuối kỳ, kế toán không tiến hành phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng loại gạch.

**Biểu 2.3:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Số: 15

Người nhận hàng: Nguyễn Đức Tài

Đơn vị: BCTND1 - Nguyễn Đức Tài

Địa chỉ: Phân xưởng cơ điện

Nội dung: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: KH01

Stt	Mã kho	Tên vật tư	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kho1	Đ0001-Đất sản xuất gạch	6211	1521	Kg	278.872		
2	Kho1	T0002- Than cám	6212	1522	Tấn	68		
Tổng cộng								

Cộng thành tiền (Bằng chữ) :

Ngày ... tháng ... năm...

**Giám đốc công ty**

(Ký, họ tên)

**KT trưởng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán vật tư**

(Ký, họ tên)

**Người nhận**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.4:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6211- chi phí NVLTT – Đất sét

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng Từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
05/01	PX15	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	32.544.688	
10/01	PX32	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	39.985.400	
15/01	PX66	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	42.667.344	
20/01	PX78	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	20.692.325	
25/01	PX94	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	27.000.000	
31/01	PKT12	Kết chuyển TK621 → TK154 6211 → TK154	154		162.889.757

**Tổng phát sinh nợ: 162.889.757****Tổng phát sinh có: 162.889.757****Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày.... Tháng .... Năm.....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.5:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU  
Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6212 chi phí NVLTT – Than  
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng Từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
05/01	PX15	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	70.245.677	
10/01	PX32	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	98.087.233	
15/01	PX66	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	63.598.855	
20/01	PX78	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	77.586.555	
25/01	PX94	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	134.518.046	
31/01	PKT12	Kết chuyển TK621 → TK154 6212 → TK154	154		444.036.366

**Tổng phát sinh nợ: 444.036.366****Tổng phát sinh có: 444.036.366****Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày.... Tháng .... Năm.....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.6:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/ 2010

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
05/01	PX15	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	32.544.688	
05/01	PX15	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	70.245.677	
10/01	PX32	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	39.985.400	
10/01	PX32	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	98.087.233	
15/01	PX66	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	42.667.344	
15/01	PX66	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	63.598.855	
20/01	PX78	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	20.692.325	
20/01	PX78	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	77.586.555	
25/01	PX94	Xuất đất sét phục vụ sản xuất	1521	27.000.000	
25/01	PX94	Xuất than cám phục vụ sản xuất	1522	134.518.046	
31/01	PKT12	Kết chuyển TK621 → TK154 6211 → TK154	154		162.889.757
31/01	PKT12	Kết chuyển TK621 → TK154 6212 → TK154	154		444.036.366

Tổng phát sinh nợ: 606.926.123

Tổng phát sinh có: 606.926.123

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công bao gồm tiền lương và BHXH, BHYT, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất. Đây cũng là một khoản chi phí lớn trong tổng chi phí sản xuất của công ty. Tại công ty đang áp dụng hình thức tính lương theo sản phẩm. Đơn giá tiền lương hiện nay ở công ty được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp, bộ phận kỹ thuật xây dựng đơn giá tiền lương cho từng tổ, đội sản xuất như sau:

**Biểu 2.7:**

**ĐƠN GIÁ TIỀN CÔNG**

Sản phẩm	Đơn giá tiền lương (đồng/1000viên)
1. Gạch 2 lỗ	134 000
2. Gạch đặc	174 200
3. Gạch 4 lỗ	324 280
4. Gạch 6 lỗ	268 000

Căn cứ vào khối lượng sản phẩm nhập kho, đơn giá tiền lương và tình hình thực hiện chất lượng sản phẩm, vật tư để xác định quỹ lương của từng tổ như sau:

$$\text{Quỹ lương tổ} = \text{Số lượng sản phẩm tổ hoàn thành} \times \text{Đơn giá tiền lương}$$

$$\text{Tiền lương sản phẩm công nhân } i = \frac{\text{Quỹ lương tổ}}{\text{Số người trong tổ}} \times \text{Hệ số lương công nhân } i$$

$$\text{Tiền lương trả cho công nhân } i = \text{Tiền lương sản phẩm công nhân } i + \text{Phụ cấp (Nếu có)}$$

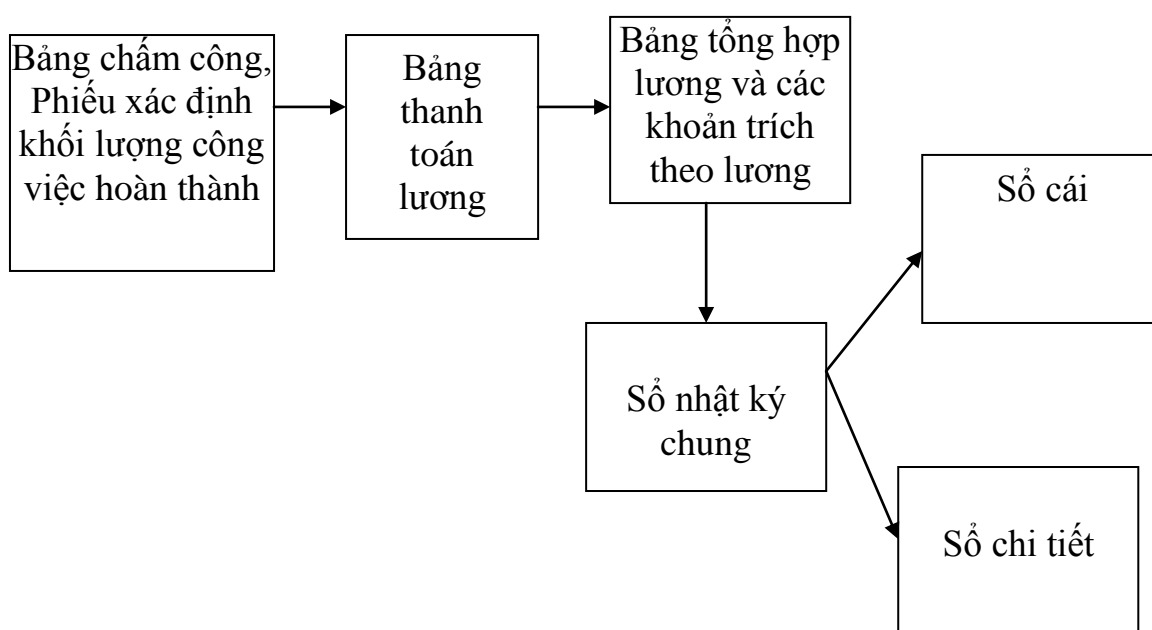
Đối với các khoản trích theo lương công ty thực hiện theo đúng chế độ hiện hành: BHXH, BHYT, KPCĐ được tính trên cơ sở quỹ lương của toàn đơn vị theo

chế độ hiện hành của nhà nước, tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ là 30.5%. Trong đó 8.5% khấu trừ vào lương công nhân viên, còn 22% tính vào chi phí sản xuất. Cụ thể:

- 16% BHXH
- 3% BHYT
- 2%KPCĐ (tính trên tổng tiền lương toàn công ty)
- 1% BHTN

Căn cứ vào số liệu về lương và các khoản trích theo lương của phòng tổ chức lao động - tiền lương, phòng kế toán ghi chép hạch toán vào chi phí sản xuất do kế toán tiền lương đảm nhiệm.

**Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp như sau:**



Chứng từ ban đầu để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp là bảng chấm công. Các tổ trưởng tiến hành theo dõi tình hình lao động của công nhân trong tổ mình để lập bảng chấm công, làm cơ sở để lập bảng thanh toán tiền lương.

Để hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp công ty dùng tài khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp và các tài khoản liên quan khác như: TK 334, TK 338.

Do phần mềm kế toán Fast không thiết kế modul tiền lương riêng nên việc tính lương và các khoản trích theo lương được thực hiện bởi nhân viên thống kê

phân xưởng, còn các bộ phận khác trong đơn vị do Phòng tổ chức lao động thực hiện.

Cuối kỳ, Phòng tổ chức lao động tập hợp Bảng thanh toán lương của các bộ phận để gửi lên Phòng kế toán xét duyệt. Căn cứ vào Bảng thanh toán lương kế toán hoàn tất Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, BHYT, KPCĐ

Sau đó kế toán tiền lương nhập các số liệu liên quan đến lương và các khoản trích theo lương theo trình tự sau: Từ giao diện chính của phần mềm ta chọn **Kế toán tổng hợp**, sau đó chọn **Cập nhật số liệu**, tiếp đó chọn **Phiếu kế toán**. Khi đó, phiếu kế toán hiện lên trên màn hình và ta chỉ việc nhập các thông tin cần thiết sau: Mã đơn vị, số chứng từ, ngày lập chứng từ, TK, mã khách, Phát sinh Nợ, phát sinh Có, Diễn giải --> nhấn nút **Lưu**.

Ví dụ: Theo chứng từ PKT 01 trích lương công nhân sản xuất tháng 1/2010 là 383.624.417 đồng ta nhập vào máy theo các bước như trên:

Ngày ht: 31/01/2010

Ngày lập ctừ: 31/01/2010

Diễn giải: Trích lương công nhân sản xuất      Số ctừ: PKT01

Tài khoản      Tên tài khoản

622	Chi phí nhân công trực tiếp	Ps nợ	Ps có
-----	-----------------------------	-------	-------

334	Phải trả công nhân viên	383.624.417	
-----	-------------------------	-------------	--

383.624.417

Sau khi nhập dữ liệu như vậy, máy tính sẽ tự động luân chuyển số liệu vào các sổ Nhật ký chung và sổ Cái tài khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp.

Cuối kỳ, kế toán không phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng loại gạch

**\* Xem, in sổ sách báo cáo**

Thao tác giống như đã trình bày ở phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã trình bày ở trên. Tương tự, ta cũng có Sổ cái TK622 như sau:



**Biểu 2.8:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn - Đông Triều - Quảng Ninh

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Tháng 01 năm 2010

STT	Đối tượng	TK334 - Phải trả công nhân viên		TK338 - Phải trả phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương	Cộng có TK334	KPCĐ- TK3382	BHXH- TK3383	BHYT- TK3384	BHTN	Cộng có TK338	
1	TK622	383.624.417	383.624.417	7.672.488	36.030.464	6.755.712	1.593.371	52.052.035	435.676.452
2	TK627	39.506.883	39.506.883	790.138	2.302.128	431.649	143.883	36.677.98	43.174.681
3	TK641	71.506.600	71.506.600	1.430.132	13.720.496	2.572.593	857.531	18.580.752	90.087.352
4	TK642	283.852.900	283.852.900	5.677.058	33.898.864	6.356.037	2.118.679	48.050.638	331.903.538
<b>Cộng</b>		<b>778.490.800</b>	<b>778.490.800</b>	<b>15.569.816</b>	<b>85.951.952</b>	<b>16.115.991</b>	<b>4.713.464</b>	<b>122.351.223</b>	<b>90.084.023</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

Người lập bảng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.9:**

Sinh viên: Nguyễn Hải Linh\_Lớp QT1101K

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU  
Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 622 - Chi phí nhân công trực tiếp  
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
31/01	PKT01	Trích tiền lương trả công nhân sản xuất	334	383.624.417	
31/01	PKT02	Trích kinh phí công đoàn	3382	7.672.488	
31/01	PKT03	Trích bảo hiểm xã hội	3383	36.030.464	
31/01	PKT04	Trích bảo hiểm y tế	3384	6.755.712	
31/01	PKT05	Trích bảo hiểm thất nghiệp	3388	1.593.371	
31/01	PKT13	Kết chuyển TK622 → TK154 622 → TK154	154		435.676.452.

**Tổng phát sinh nợ: 435.676.452****Tổng phát sinh có: 435.676.452****Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung trong công ty là các chi phí: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Để tập hợp chi phí sản xuất chung công ty sử dụng TK 627: Chi phí sản xuất chung, mở chi tiết thành các TK cấp 2 sau:

- + TK 6271 : Chi phí nhân viên phân xưởng
- + TK 6272 : Chi phí vật liệu
- + TK 6273 : Chi phí dụng cụ sản xuất
- + TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6278: Chi phí khác bằng tiền

Cụ thể, việc tập hợp chi phí sản xuất chung trong kỳ được thực hiện như sau:

#### \* Kế toán tập hợp chi phí nhân viên phân xưởng

Chi phí nhân viên phân xưởng được công ty xác định gồm: Tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phục vụ như: chữa goòng, tạp vụ.... và cán bộ quản lý phân xưởng. Các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng áp dụng đúng chế độ hiện hành. Lương của công nhân phục vụ cũng được xác định như chi phí nhân công trực tiếp còn tiền lương của cán bộ quản lý phân xưởng được tính như sau:

$$\text{Lương quản lý phân xưởng } i = \text{Lương cơ bản} \times \text{Hệ số lương cán bộ quản lý phân xưởng } i$$

Cuối tháng căn cứ vào Bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng được tập hợp vào chi phí sản xuất như sau:

+ Về lương: Nợ TK6271: 39.506.883

Có TK334: 39.506.883

+ Về các khoản trích theo lương:

Nợ TK6271: 3.667.798

Có TK338: 3.667.798

TK3382: 790.138

TK3383: 2.302.128

TK3384: 431.649

TK3388: 143.883

Các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng áp dụng đúng chế độ hiện hành và được nhập vào máy theo trình tự như trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp: Kế toán tổng hợp/cập nhật số liệu/phiếu kế toán

**\* Kế toán chi phí vật liệu cho sản xuất chung**

Chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng như vật liệu xuất dùng để sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị....

Sử dụng TK 6272 - Chi phí vật liệu để tập hợp chi phí vật liệu xuất dùng cho phân xưởng. Trình tự kế toán giống như trình tự kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kế toán tiến hành nhập số liệu vào màn hình:

Kế toán hàng tồn kho/Cập nhật số liệu/Phiếu xuất kho

**\* Kế toán chi phí dụng cụ sản xuất**

Chi phí dụng cụ dùng cho phân xưởng như : quần áo bảo hộ lao động, giấy bút...

Sử dụng TK 6273 - Chi phí dụng cụ để tập hợp chi phí vật liệu xuất dùng cho phân xưởng. Trình tự kế toán giống như trình tự kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp. Kế toán tiến hành nhập số liệu vào màn hình:

Kế toán hàng tồn kho/Cập nhật số liệu/Phiếu xuất kho

**\*Xem, in sổ sách báo cáo**

Thao tác giống như đã trình bày ở phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã trình bày ở trên. Tương tự ta cũng có Sổ cái TK6271(Biểu 2.10), Sổ cái TK6272(Biểu 2.11), Sổ cái TK6273(Biểu 2.12):

**Biểu 2.10:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
31/01	PKT01	Trích tiền lương trả nhân viên phân xưởng	334	39.506.883	
31/01	PKT02	Trích kinh phí công đoàn	3382	790.138	
31/01	PKT03	Trích bảo hiểm xã hội	3383	2.302.128	
31/01	PKT04	Trích bảo hiểm y tế	3384	431.649	
31/01	PKT05	Trích bảo hiểm thất nghiệp	3388	143.883	
31/01	PKT14	Kết chuyển TK627 → TK154 6271 → TK154	154		43.174.681

**Tổng phát sinh nợ: 43.174.681****Tổng phát sinh có: 43.174.681****Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.11:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU**  
 Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
 Tài khoản: 6272 - Chi phí vật liệu  
 Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đòi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
06/01	PX28	Sửa chữa nhà kho và nhà cơ điện	152	8.952.130	
10/01	PX34	Phục vụ sửa chữa, thay thế ( tổ nung)	152	10.793.124	
10/01	PX35	Phục vụ sửa chữa thay thế ( tổ cơ điện )	152	5.671.554	
12/01	PX47	Phục vụ ủi đảo đất sản xuất	152	29.161.410	
15/01	PX67	Sửa chữa goong ( tổ cơ điện )	152	2.671.500	
15/01	PX68	Chạy máy phát điện	152	7.410.480	
31/01	PX121	Phục vụ kéo mooc ra lò tuynel	152	11.076.920	
31/01	PKT15	Kết chuyển TK627 → TK154 6272 → TK154	154		75.737.110

**Tổng phát sinh nợ: 75.737.110**

**Tổng phát sinh có: 75.737.110**

**Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.12:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đòi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
15/01	PX69	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ cơ điện)	153	7.843.900	
17/01	PX139	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ tạo hình)	153	137.500	
20/01	PX79	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ nung )	153	489 .640	
25/01	PX95	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ nghiên than)	153	1.156.155	
26/01	PX101	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ chế biến đất )	153	1.313. 073	
31/01	PX122	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ phơi )	153	2.007.051	
31/01	PX122	Trang bị CCDC, BHLĐ ( tổ xếp goong )	153	720. 044	
31/01	PKT16	Kết chuyển TK627→TK154 6273→TK154	154		13.667.363

**Tổng phát sinh nợ: 13.667.363****Tổng phát sinh có: 13.667.363****Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

### \* **Kế toán tập hợp chi phí khấu hao tài sản cố định**

Việc tính khấu hao máy móc thiết bị là tính vào chi phí sản xuất phần giá trị hao mòn máy móc thiết bị tạo ra nguồn vốn để tái sản xuất tài sản cố định.

Trong công ty, khoản chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất sản phẩm như: Máy ủi, máy cắt gạch....

Việc trích khấu hao tài sản cố định do máy tính thực hiện bởi vì khi bắt đầu sử dụng phần mềm kế toán, kế toán tài sản cố định đã khai báo các thông tin về tài sản (nguyên giá, thời gian sử dụng). Máy tính sẽ tính khấu hao tài sản cố định theo công thức ngầm định sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao bình} &= \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{quân hàng năm}} \\ \text{Mức trích khấu hao} &= \frac{\text{Mức trích khấu hao bình quân năm}}{1 \text{ tháng}} \end{aligned}$$

Việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo QĐ 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 với nguyên tắc: tài sản cố định tăng trong tháng nào thì bắt đầu trích khấu hao từ tháng đó, và tài sản cố định giảm trong tháng nào thì thôi trích khấu hao từ tháng đó. Tức là khi có tài sản mới thì phải khai báo thông tin về tài sản và khi tài sản giảm cũng phải khai báo. Mỗi tháng ta phải tính khấu hao một lần và chương trình sẽ lưu giá trị này trong tệp số liệu.

Sử dụng TK 6274 - Chi phí khấu hao tài sản cố định để tập hợp chi phí.

#### ***Trình tự kế toán:***

Tính khấu hao tháng 01/2010 theo trình tự sau: Từ giao diện chính ta chọn ***Kế toán tài sản cố định*** vào tiếp ***Cập nhật số liệu*** sau đó chọn ***Tính khấu hao tài sản cố định*** khi đó sẽ có một giao diện hiện lên màn hình. Ta điền tháng tính khấu hao là tháng 01 và mã tài sản cố định rồi nhấn ***Nhận*** vào như mẫu:

Khi đó chương trình tự động chuyển số liệu vào Sổ cái TK 6274

Muốn xem Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định kế toán thực hiện các bước sau: Từ giao diện chính ta chọn ***Kế toán tài sản cố định*** chọn tiếp ***Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao*** sau đó chọn ***Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố***



*định*, ta thấy hiện lên bảng. Nhập các thông tin cần thiết như: Từ tháng, đến tháng, mã đơn vị --> chọn **Nhận**.

Ví dụ: Muốn xem bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định tháng 1/2010 ta làm các bước trên được bảng sau:

**Biểu 2.13**

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Tháng 1 năm 2010*

STT	TK ghi Có	C214	Tổng cộng
	TK ghi Nợ		
1	627	95.954.140	95.954.140
2	<b>6274</b>	<b>95.954.140</b>	<b>95.954.140</b>
3	641	24.113.655	24.113.655
4	6414	24.113.655	24.113.655
5	642	30.708.229	30.708.229
6	6424	30.708.229	30.708.229
	<b>Cộng</b>	<b>150.776.024</b>	<b>150.776.024</b>

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.14:**

Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ**

Tháng 01 năm 2010

STT	Mã	Tên TSCĐ	Ngày tính khấu hao	Thời hạn sử dụng (tháng)	Nguyên giá	Tổng mức KH đã trích	Mức KH tháng này	Phân bổ cho các đơn vị			Giá trị còn lại
								627	642	...	
1	M01	Lò nung hầm sây	01/06/2006	71	1.241.307.056	650.338.545	14.774.213	14.774.213			576.194.298
2	M02	Máy tạo hình	01/06/2006	71	214.155.000	112.198.864	2.548.903	2.548.903			99.407.233
		....	...	.....	...	...	...	...	.....		...
22	M22	Xe ô tô Toyota Innova G	01/05/2009	72	633.377.810	22.698.987	3.783.163		3.783.163		26.482.141
23	N07	Nhà thường trực văn phòng	01/06/2009	59	16.380.027	10.012.017	227.429		227.429		6.140.581
24	N10	Hệ thống thoát nước nội bộ	01/06/2006	59	68.750.117	42.022.351	954.563	477281	477280		25.773.203
		...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....
		<b>Cộng</b>			<b>9.409.872.095</b>	<b>3.738.411.339</b>	<b>150.776.024</b>	<b>95.954.140</b>	<b>30.708.229</b>		<b>5.520.684.732</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Biểu 2.15:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
31/01	PKTTS	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 1	2141	139.272.014	
31/01	PKT 17	KC 6274 --> 154	154		139.272.014

**Tổng số phát sinh Nợ : 139 272 014****Tổng số phát sinh Có : 139 272 014****Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**\* Kế toán chi phí dịch vụ mua ngoài**

Chi phí dịch vụ mua ngoài ở công ty bao gồm: chi phí về tiền điện phục vụ cho sản xuất, chi phí sửa chữa máy... Tại công ty chi phí phát sinh bao nhiêu thực hiện chi bấy nhiêu, căn cứ vào các chứng từ có liên quan như hóa đơn thanh toán với chi nhánh điện, các hóa đơn thanh toán khác. Kế toán sẽ nhập vào máy và máy sẽ tự chuyển vào Sổ cái tài khoản 6277.

Ví dụ: Chi phí dịch vụ mua ngoài ở công ty tháng 01/2010 phát sinh chi phí tiền điện là 106.190.791 đồng chưa trả tiền người bán.

Kế toán sẽ tiến hành nhập số liệu vào màn hình máy tính : Kế toán tổng hợp/Cập nhập số liệu/Phiếu kế toán

Do chi phí dịch vụ mua ngoài điện của toàn công ty do phòng kế hoạch tiến hành phân bổ cho các bộ phận của công ty, sau đó gửi bảng phân bổ về phòng kế

toán. Kế toán tổng hợp căn cứ vào bảng phân bổ đó để tiến hành nhập số liệu vào máy.

**\* Kế toán chi phí khác bằng tiền**

Là những khoản chi phí bằng tiền ngoài những khoản trên, phục vụ cho hoạt động của phân xưởng như chi độc hại, chi tiếp khách phân xưởng... Căn cứ vào phiếu chi tiền và các chứng từ khác có liên quan kế toán sẽ nhập chứng từ vào máy: Từ giao diện chính chọn **Kế toán vốn bằng tiền** sau đó vào **Cập nhật số liệu** và chọn tiếp **Phiếu chi tiền mặt** nhấn Enter giao diện nhập phiếu chi sẽ hiện ra. Nhập các thông tin cần thiết và **Lưu**.

Sử dụng TK 6278 - Chi phí khác bằng tiền để tập hợp chi phí.

Tương tự ta cũng có Sổ cái TK6277(Biểu 2.16), Sổ cái TK6278(Biểu 2.17)

**Biểu 2.16:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLA ĐÔNG TRIỀU**

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản :6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
31/01	PKT07	Điện sản xuất tháng 12/2010	3311	106.190.791	
31/01	PKT18	Kết chuyển TK627→TK154 6277→TK154	154		106.190.791

**Tổng số phát sinh Nợ : 106.190.791**

**Tổng số phát sinh Có :106.190.791**

**Số dư cuối kỳ: 0**

Ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.17:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6278 - Chi phí bằng tiền khác

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đòi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có
14/01	PC51	Thanh toán tiền bồi dưỡng độc hại T12/2010	111	36.132.000	
14/01	PC51	Chi tiếp khách	111	5.435.500	
25/01	PC95	Chi tiếp khách	111	4.928.500	
31/01	PKT19	Kết chuyển TK627 → TK154 6278 → TK1542	154		46.496.000

**Tổng số phát sinh Nợ : 106.190.791****Tổng số phát sinh Có : 106.190.791****Số dư cuối kỳ: 0**

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

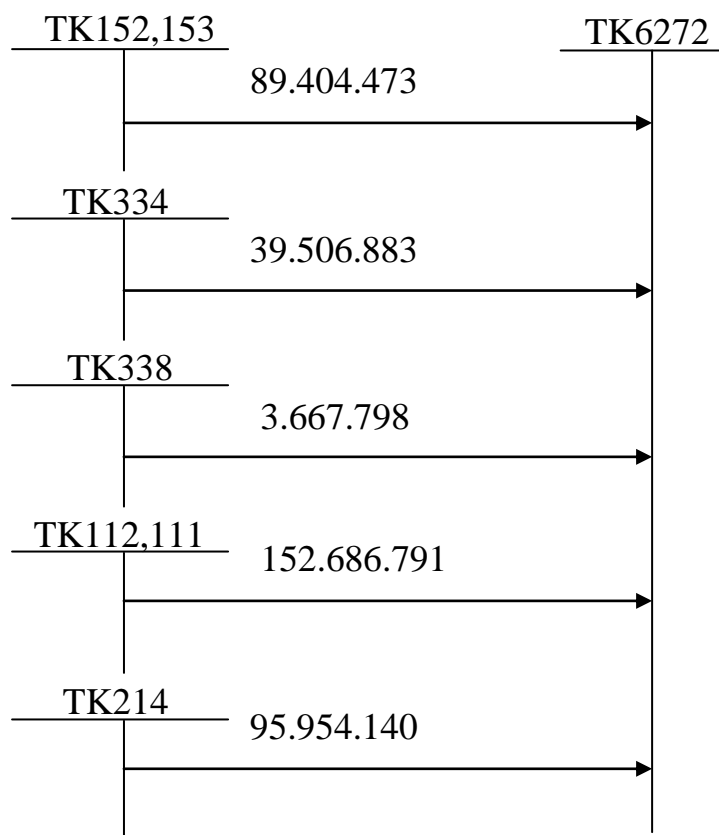
**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty không tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại gạch.

**Sơ đồ 2.6: Mô hình tổng quát kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung**



#### 2.2.2.4. Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Trong kỳ, để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp Công ty mở TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tài khoản này phản ánh chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, giá trị thành phẩm nhập kho và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. TK 154 không mở chi tiết vì Công ty quản lý sản phẩm nhập kho thông qua mã hàng hóa.

Vào cuối tháng, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung sang TK154 theo trình tự: Từ giao diện chính chọn **Kế toán tổng hợp** sau đó chọn **Cập nhật số liệu**, chọn tiếp là **Bút toán kết chuyển tự động** khi đó hiện ra bảng ta chọn tháng 1 và nhấn **Nhận**. Máy sẽ tự động kết chuyển sang Sổ cái TK 154.

**\*Xem, in sổ sách báo cáo**

Thao tác giống như đã trình bày ở phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã trình bày ở trên. Tương tự ta cũng có Sổ cái TK154(Biểu 2.10),

**Biểu 2.18:**

Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản:154 – Chi phí SXKD dở dang

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 755.012.200**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	NT			Nợ	Có
31/01	PN46	Nhập kho thành phẩm	155		
31/01	PKT12	Kết chuyển TK621 →TK154 621 →TK154	621	606.926.123	
31/01	PKT13	Kết chuyển TK622 →TK154 622 →TK154	622	435.676.452	
31/01	PKT14	Kết chuyển TK6271 →TK154 6271 →TK154	6271	39.506.883	
31/01	PKT15	Kết chuyển TK6272 →TK154 6272 →TK154	6272	75.737.110	
31/01	PKT16	Kết chuyển TK6273 →TK154 6273 →TK154	62732	13.667.363	
31/01	PKT17	Kết chuyển TK6274 →TK154 6274 →TK154	6274	95.954.140	
31/01	PKT18	Kết chuyển TK6277 →TK154 6277 →TK154	6277	106.190.791	
31/01	PKT19	Kết chuyển TK6278 →TK154 6278 →TK154	6278	46.496.000	

**Tổng số phát sinh Nợ : 1.423.822.040**

**Tổng số phát sinh Có: 0**

**Số dư cuối kỳ: 2.178.834.240**

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

### 2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm

#### 2.2.3.1. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm làm dở trong Công ty là gạch đang trong giai đoạn phơi đảo, xếp goòng, sấy nung chưa ra lò... Sản phẩm dở dang đầu kỳ do máy tự động điền vào. Sản phẩm dở dang cuối kỳ Công ty đánh giá theo phương pháp khối lượng hoàn thành tương đương.

#### Số lượng sản phẩm làm dở = Số lượng gạch mộc - Số lượng thành phẩm NK

Cuối kỳ, căn cứ vào số sản phẩm nhập kho, số lượng gạch mộc kiểm kê và chi phí của gạch mộc giai đoạn chế biến tạo hình chuyển sang để tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Đối với chi phí đất bỏ ngay 1 lần từ đầu quy trình sản xuất thì mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là 100% còn đối với chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung bỏ dần dần thì sẽ tính theo mức độ hoàn thành của sản phẩm.

$$C_{ddck} = \frac{C_{dddk} + C_{ps}}{SL_{tp} + SL_{dd} * T_{THBQ} * T_{HTTD}} * SL_{dd} * T_{THBQ} * T_{HTTD}$$

Trong đó:

$C_{dddk}$  : Chi phí dở dang đầu kỳ

$C_{ps}$  : Chi phí phát sinh trong kỳ

$C_{ddck}$  : Chi phí dở dang cuối kỳ

$SL_{tp}$  : Số lượng thành phẩm nhập kho trong kỳ

$SL_{ddck}$ : Số lượng sản phẩm dở dang

$T_{THBQ}$  : Tỷ lệ thu hồi bình quân

$T_{HTTD}$  : Tỷ lệ hoàn thành tương đương

Khoản chi phí dở dang cuối kỳ này được kế toán thiết lập bảng tính trên excel, các khoản mục chi phí được lấy số liệu từ các Sổ cái có liên quan.



**Biểu 2.19:****BẢNG KÊ SẢN PHẨM DỠ DANG**

Tháng 01/2010

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Dỡ đầu kỳ	Thành phẩm	Dỡ cuối kỳ
1	Gạch 2 lỗ	Viên	1.416.748	1.160.838	1.329.854
2	Gạch 3 lỗ	Viên	57.823	175.121	72.063
3	Gạch 4 lỗ	Viên	92.139	234.500	68.934
4	Gạch 6 lỗ tròn	Viên	28.777	121.632	39.156
5	Gạch 6 lỗ vuông	Viên	20.286	198.735	42.178
6	Gạch đặc	Viên	389.974	568.721	321.890
	<b>Cộng</b>	<b>Viên</b>	<b>2.005.747</b>	<b>2.459.547</b>	<b>1.874.075</b>

**Biểu 2.20:****BẢNG KÊ SẢN PHẨM DỠ DANG QUY TIÊU CHUẨN**

Tháng 01/2010

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Hệ số quy đổi	Dỡ đầu kỳ	Thành phẩm	Dỡ cuối kỳ
1	Gạch 2 lỗ	Viên	1	1.416.748	1.160.838	1.329.854
2	Gạch 3 lỗ	Viên	1.56	90.203	273.188	112.418
3	Gạch 4 lỗ	Viên	2	184.278	469.000	137.868
4	Gạch 6 lỗ tròn	Viên	2.5	71.942	304.080	97.890
5	Gạch 6 lỗ vuông	Viên	2.5	50.715	496.837	105.445
6	Gạch đặc	Viên	1.4	545.963	796.209	450.646
	<b>Cộng quy tiêu chuẩn</b>	<b>Viên</b>		<b>2.359.849</b>	<b>3.500.152</b>	<b>2.354.121</b>

Tất cả các sản phẩm gạch của công ty sản xuất ra đều được quy đổi về sản phẩm gạch 2 lỗ để tính giá trị sản phẩm dở dang và tính giá thành.

**Biểu 2.21:****BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỞ DANG QUY TIÊU CHUẨN**

Tháng 01 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	% H.T T. đương	Tỷ lệ thu hồi BQ	Dư đầu kỳ	Phát sinh nợ	Dư cuối kỳ
<b>I</b>	<b>TK621 chi phí NVLTT</b>			<b>329.974.908</b>	<b>606.926.123</b>	<b>31.336.5784,1</b>
1	Đất	100%		102.763.931	162.889.757	101.259.179,7
2	Than	75%		227.210.977	444.036.366	212.106.604,4
<b>II</b>	<b>TK622 Chi phí NCTT</b>	34%		<b>140.029.612</b>	<b>435.676.452</b>	<b>99.689.246,41</b>
<b>III</b>	<b>TK627 Chi phí SXC</b>			<b>285.007.680</b>	<b>381.219.465</b>	<b>183.806,253</b>
1	Khấu hao TSCĐ	70%		191.741.760	95.954.140	86.673.954,43
2	Điện	65%		52.471.957	106.190.171	45.361.900,23
3	Chi phí khác	50%		40.793.963	179.075.154	51.770.398,36
	<b>Tổng cộng quy tiêu chuẩn</b>		<b>96.50%</b>	<b>755.012.200</b>	<b>1.423.822.040</b>	<b>596.861.283,5</b>

Người lập bảng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### 2.2.3.2. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành

Do Công ty sản xuất nhiều loại gạch khác nhau, trong quá trình sản xuất không có bán thành phẩm nhập kho hoặc bán ra ngoài nên đối tượng tính giá thành là từng loại gạch.

Để đảm bảo cho việc cung cấp số liệu về giá thành kịp thời, giúp cho việc quản lý có hiệu quả hơn, Công ty xác định kỳ tính giá thành là hàng tháng.

### 2.2.3.3. Tổ chức kế toán tính giá thành

Cuối kỳ, kế toán chi phí và tính giá thành sẽ tập hợp các chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dở dang đầu kỳ, phát sinh trong kỳ, dở dang cuối kỳ để tiến hành lập thẻ giá thành. Kế toán chi phí và tính giá thành tính giá thành sản phẩm quy tiêu chuẩn theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{sản phẩm hoàn} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{thành trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \text{Giá thành đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

Việc tính giá thành được kế toán tính toán trên Excel.

**Biểu 2.22:****THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM QUY TIÊU CHUẨN**

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Dư đầu kỳ	Phát sinh nợ	Dư cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
<b>I</b>	<b>TK621 chi phí NVLTT</b>	<b>329.974.908</b>	<b>606.926.123</b>	<b>313.365.784,1</b>	<b>623.535.246,9</b>	<b>178,145</b>
1	Đất	102.763.931	162.889.757	101.259.179,7	164.394.508,3	46,968
2	Than	227.210.977	444.036.366	212.106.604,4	459.140.738,6	131,177
<b>II</b>	<b>TK622 Chi phí NCTT</b>	<b>1.400.29.612</b>	<b>435.676.452</b>	<b>99.689.246,41</b>	<b>476.016.817,6</b>	<b>135,999</b>
<b>III</b>	<b>TK627 Chi phí SXC</b>	<b>285.007.680</b>	<b>381.219.465</b>	<b>183.806.253</b>	<b>482.420.892</b>	<b>137,828</b>
1	Khấu hao TSCĐ	191.741.760	95.954.140	86.673.954,43	201.021.945,6	57,432
2	Điện	52.471.957	106.190.171	45.361.900,23	113.300.227,8	32,37
3	Chi phí khác	40.793.963	179.075.154	51.770.398,36	168.098.718,6	48,026
	<b>Tổng cộng quy tiêu chuẩn</b>	<b>755.012.200</b>	<b>1.423.822.040</b>	<b>596.861.284</b>	<b>1.581.972.956</b>	<b>451,972</b>

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.22: BẢNG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM GẠCH**

STT	Tên Sản phẩm	ĐVT	Hệ số quy đổi	Giá thành đơn vị
1	Gạch 2 lỗ	Viên	1	451,972
2	Gạch 3 lỗ	Viên	1.56	705,076
3	Gạch 4 lỗ	Viên	2	903,944
4	Gạch 6 lỗ tròn	Viên	2.5	1129,93
5	Gạch 6 lỗ vuông	Viên	2.5	1129,93
6	Gạch đặc	Viên	1.4	632,761

Sau khi tính giá thành, kế toán nhập vào máy theo trình tự sau: Từ giao diện chính chọn **Kế toán hàng tồn kho** sau đó chọn **Cập nhật số liệu** chọn tiếp là **Phiếu nhập kho**. Khi đó, phiếu nhập kho hiện lên màn hình và ta chỉ việc nhập các thông tin cần thiết sau: Mã giao dịch, số chứng từ, ngày lập chứng từ, người nhận hàng, mã thành phẩm, phát sinh Nợ, phát sinh Có, Diễn giải --> nhấn nút **Lưu**.

Để nhập kho gạch 2 lỗ, kế toán điền các thông tin trên màn hình giao diện như sau:

Mã giao dịch 4 Nhập từ sản xuất                      Số pn: 46  
Địa chỉ: Kho thành phẩm                                      Ngày ht: 31/01/2010  
Ng.giao hàng: Lê Thị Hoa                                      Ngày lập pn: 31/01/2010  
Diễn giải: Nhập kho thành phẩm

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá VND
GR602T	Gạch rỗng 2 lỗ	Viên			
Tiền VND: 524.666.273					
			KH02	1.160.838	451,972

TK nợ: 155

Khi nhập kho gạch đặc, gạch 4 lỗ, gạch 6 lỗ cũng làm các bước như nhập kho gạch 2 lỗ.

Muốn xem, in sổ chi tiết TK 154, sổ cái TK 154 ta thực hiện các thao tác giống như xem, in sổ cái TK 622.

**Biểu 2.23:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 154 – Chi phí SXKD dở dang  
 Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 755.012.200**

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số	NT			Nợ	Có
31/01	PN46	Nhập kho thành phẩm	155		1.581.972.956
31/01	PKT12	Kết chuyển TK621→TK154 621→TK154	621	606.926.123	
31/01	PKT13	Kết chuyển TK622→TK154 622→TK154	622	435.676.452	
31/01	PKT14	Kết chuyển TK6271→TK154 6271→TK154	6271	39.506.883	
31/01	PKT15	Kết chuyển TK6272→TK154 6272→TK154	6272	75.737.110	
31/01	PKT16	Kết chuyển TK6273→TK154 6273→TK154	62732	13.667.363	
31/01	PKT17	Kết chuyển TK6274→TK154 6274→TK154	6274	95.954.140	
31/01	PKT18	Kết chuyển TK6277→TK154 6277→TK154	6277	106.190.791	
31/01	PKT19	Kết chuyển TK6278→TK154 6278→TK154	6278	46.496.000	

**Tổng số phát sinh Nợ : 1.423.822.040****Tổng số phát sinh Có: 1.581.972.956****Số dư cuối kỳ: 596.861.284**

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**Biểu 2.24:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**SỔ TỔNG HỢP CHỮ T CỦA MỘT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 1542 – Chi phí SXKD dở dang

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/01/2010

**Số dư đầu kỳ: 755.012.200**

TK đối ứng	Diễn Giải	Số phát sinh	
		Nợ	Có
155	Thành phẩm		1.581.972.956
621	Chi phí NVL trực tiếp	606.926.123	
622	Chi phí nhân công trực tiếp	435.676.452	
627	Chi phí sản xuất chung	377.552.287	
6271	Chi phí nhân viên phân xưởng	39.506.883	
6272	Chi phí vật liệu	75.737.110	
6273	Chi phí dụng cụ sản xuất	13.667.363	
6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	95.954.140	
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.190.791	
6278	Chi phí bằng tiền khác	46.496.000	

**Tổng số phát sinh Nợ : 1.423.822.040****Tổng số phát sinh Có: 1.581.972.956****Số dư cuối kỳ: 596.861.284**

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)



**Biểu 2.3:****CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU**

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

Số: 46

Người nhận hàng: Phạm Việt Hưng

Đơn vị:

Địa chỉ: Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều

Nội dung: Nhập kho thành phẩm

Nhập tại kho: KH05

Stt	Mã kho	Tên vật tư	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	KH05	GR60-2T:gạch rỗng 2 lỗ	155	154	Viên	1.160.838	451,972	534.666.273
2	KH05	GR60-3T:gạch rỗng 3 lỗ	155	154	Viên	175.121	705,076	123.473.614
3	KH05	GR60-4T:gạch rỗng 4 lỗ	155	154	Viên	234.500	903,944	211.974.868
4	KH05	GR150-6T: gạch 6 lỗ tròn	155	154	Viên	121.632	1.129,93	137.435.646
5	KH05	GR150-6V:gạch 6 lỗ vuông	155	154	Viên	198.735	1.129,93	224.556.638
6	KH05	GD60:gạch đặc	155	154	Viên	568.721	632,761	359.864.468
Tổng cộng 155								1.581.972.956

Cộng thành tiền (Bằng chữ) : Một tỷ năm trăm tám mươi một triệu đồng chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng

Ngày ... tháng ... năm...

**Giám đốc công ty****KT trưởng****Kế toán vật tư****Người nhận****Thủ kho**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Chương 3**

## MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

### 3.1. Nhận xét tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều

#### 3.1.1. Những ưu điểm trong tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Qua thời gian tìm hiểu, nghiên cứu thực tế công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng tại công ty em nhận thấy có những mặt tích cực sau:

##### ◆ Về tổ chức sản xuất kinh doanh

+ Gần 50 năm trưởng thành và phát triển, đến nay Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều đã dần đi vào ổn định và đạt được một số thành tựu nhất định. Từ chỗ cơ sở vật chất nghèo nàn chủ yếu là làm thủ công, mặt hàng đơn điệu, chất lượng thấp thì nay với công nghệ hiện đại Công ty đã sản xuất ra nhiều loại sản phẩm có chất lượng cao không chỉ đáp ứng nhu cầu cho các công trình xây dựng ở địa phương mà còn cung cấp cho nhu cầu xây dựng ở các tỉnh khác.

+ Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả, giúp cho lãnh đạo công ty quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, tổ chức kế toán hợp lý khoa học kịp thời.

+ Công ty đã tiến hành kiện toàn, cải tạo bộ máy quản lý đến từng phòng ban, phân xưởng, cá nhân để bộ máy quản lý hoạt động có hiệu quả hơn trong điều hành sản xuất cũng như quản lý tài chính của công ty.

+ Công ty đã và đang đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về trình độ kỹ thuật phục vụ cho sản xuất.

Trong việc sử dụng con người, công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên. Vì vậy, đã tạo nên sự gắn bó của họ với công ty, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức trong lao động sản xuất.

Trong nhiều năm xây dựng và hoạt động công ty cổ phần Viglacera Đông Triều đã xây dựng được bbooj máy quản lý sản xuất kinh doanh hoạt động hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có bề dày kinh nghiệm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính, ổn định ,vững chắc.

#### ◆ Về tổ chức quản lý sản xuất

Công ty đã thực hiện tổ chức sản xuất chặt chẽ, chính xác, nghiêm ngặt theo đúng quy trình, quy phạm, duy trì chất lượng sản xuất, tăng năng suất lao động, không để xảy ra các sự cố kỹ thuật làm gián đoạn quá trình sản xuất.

Tổ chức lao động khoa học, hợp lý : Việc bố trí thời gian làm việc, số lượng công nhân luôn phù hợp đảm bảo cho quy trình sản xuất liên tục, không lãng phí giờ công, giờ máy nhằm nâng cao năng suất lao động.

Để đáp ứng nhu cầu sản xuất, công ty đã đầu tư cải tạo nâng cao thiết bị máy móc, tiếp tục đầu tư đại tu sửa chữa, nhằm duy trì năng lực của máy móc hiện thời.

#### ◆ Về tổ chức công tác kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty là hình thức tổ chức bộ máy tập trung, phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ của từng nhân viên. Việc bố trí cán bộ kế toán như hiện nay đã đảm bảo cho công tác kế toán được tiến hành thuận tiện.

Phòng tài chính kế toán của công ty với 10 cán bộ và nhân viên đã đáp ứng được những yêu cầu về tổ chức nhân sự, số nhân viên phù hợp với khối lượng công việc.

#### ◆ Về tình hình nghiệp vụ chuyên môn

Nhân viên trong phòng Tài chính kế toán của công ty đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực, nhiệt tình và được bố trí những công việc cụ thể, phù hợp, chịu trách nhiệm trên từng phần hành kế toán được giao.

#### ◆ Về chứng từ kế toán

Các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp và ghi chép đầy đủ. Số liệu tập hợp được có khả năng sử dụng để phát triển hoạt động kế toán, tính toán đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**◆ Về hệ thống sổ sách kế toán**

Hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, các phương pháp kế toán được áp dụng một cách hợp lý, khoa học và phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới hiện nay.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng trong việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hợp lý và thích hợp với tình hình sản xuất hiện nay của công ty.

**◆ Về tổ chức công tác tính giá thành**

Kỳ tính giá thành hàng tháng nên có thể cung cấp thông tin kịp thời cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc ứng xử linh hoạt với những thay đổi trên thị trường. Hơn nữa, đối tượng tính giá thành là từng loại gạch, ngói đảm bảo xác định chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh cho từng loại sản phẩm.

**◆ Về chi phí nhân công**

Công ty thường xuyên theo dõi số ngày làm việc của cán bộ công nhân viên cũng như mức độ chuyên cần của họ bằng cách lập bảng chấm công và áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm cho công nhân sản xuất trực tiếp ở phân xưởng và lương của cán bộ quản lý phân xưởng theo thời gian. Đồng thời có các khoản phụ cấp độc hại, phụ cấp làm thêm giờ đã nâng cao mức sống và bảo vệ sức khỏe người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động theo đúng chế độ. Chính những điều này đã khuyến khích người lao động hăng say lao động sản xuất, có ý thức chấp hành kỷ luật lao động hơn.

**◆ Về kế toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên là phù hợp với nền kinh tế thị trường. Thu thập và cung cấp thông tin về hàng tồn kho của doanh nghiệp một cách thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong công tác phân tích tình hình chi phí sản xuất để từ đó đề ra các biện pháp, chiến lược về sản xuất kinh doanh một cách khoa học và hợp lý.

Nhìn chung, công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng trong Công ty có nhiều mặt tích cực cần phát huy. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng còn một số điểm hạn chế, tồn tại cần phải khắc phục và rút kinh nghiệm để công tác kế toán trong Công ty ngày càng hoàn thiện hơn nữa.

#### ◆ Về chương trình kế toán máy

Công ty đang áp dụng máy vi tính và cài đặt phần mềm kế toán trong việc hạch toán. Nhờ đó, giảm nhẹ được khối lượng ghi chép, tính toán nhưng vẫn đảm bảo cung cấp thông tin trung thực, kịp thời phục vụ cho Ban giám đốc có những quyết định điều hành sản xuất kinh doanh đúng đắn.

Những ưu điểm về quản lý và kế toán chi phí sản xuất tính giá thành nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm gạch, tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

### **3.1.2. Những tồn tại trong tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Bên cạnh những mặt tích cực như đã nêu trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn những mặt hạn chế sau:

#### **1- Về công tác kiểm tra chi phí sản xuất**

Tại công ty công tác kiểm tra chi phí chỉ mang tính thủ tục, chưa được chú trọng, chi phí sản xuất không được kiểm soát chặt chẽ.

Điều này dẫn tới tình trạng thất thoát nguyên vật liệu và lãng phí vật tư, thiết bị, khiến cho chi phí sản xuất tăng, giá thành sản phẩm điện lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty.

#### **2- Về công tác quản lý và luân chuyển chứng từ**

Việc cập nhật chứng từ xuất không được tiến hành một cách thường xuyên. Hầu hết các chứng từ thường gửi về phòng kế toán vào cuối tháng.

Điều này làm dồn tất cả phiếu xuất vào cuối tháng, dẫn đến khối lượng công việc của kế toán nhiều, dồn dập. Kế toán sẽ gặp nhiều khó khăn khi phải xử lý nhiều chứng từ trong thời gian ngắn, hiệu quả công việc thấp, số liệu không được cập nhật kịp thời theo thời gian phát sinh của các nghiệp vụ.

### **3- Trong công tác đánh giá sản phẩm hỏng cuối kỳ**

Bộ phận kế toán không tiến hành đánh giá sản phẩm hỏng vì cho rằng sản phẩm hỏng của Công ty là không đáng kể và chiếm tỷ trọng nhỏ, luôn nằm trong định mức, nên không thể tính chính xác giá thành của sản phẩm.

### **4- Về kế toán chi phí sản xuất**

+ Về mua chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: kế toán chưa lập Bảng kê nguyên vật liệu. Với các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán có thể theo dõi tình hình nhập – xuất vật tư diễn ra hàng ngày nhưng chưa phản ánh được vật tư còn lại cuối kỳ.

+ Về khoản mục chi phí sản xuất chung: Chưa kiểm soát được chặt chẽ các khoản mục chi phí phát sinh này.

### **5- Về việc tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ**

Các khoản chi phí sản xuất tập hợp trong kỳ chưa được nhận diện theo các tiêu thức khác nhau, chưa đáp ứng đầy đủ thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị.

### **6- Về việc tính phân bổ chi phí cho từng loại gạch**

Hiện nay, công ty vẫn đang dùng bảng hệ số quy đổi để quy đổi do phòng kế hoạch của công ty tính toán. Quy đổi tất cả các sản phẩm gạch về gạch 2 lỗ để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành mà không tiến hành phân bổ từng loại chi phí cho từng loại gạch vào các bảng phân bổ cụ thể. Kế toán không theo dõi sát được mức chi phí cụ thể trong từng sản phẩm gạch.

### **7- Về việc sử dụng phần mềm máy tính trong công tác kế toán tại công ty**

Công tác tổ chức kế toán tại công ty đã áp dụng chương trình kế toán máy nhưng vẫn còn những phần hành tương đối phức tạp. Tồn tại này xuất phát từ chính những hạn chế của chương trình kế toán máy áp dụng tại công ty. Chương trình vẫn còn có phần tính lương, tính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí

công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và tính giá thành trên Excel, sau đó mới nhập kết quả vào máy.

Việc phải kết hợp giữa nhập số liệu vào chương trình phần mềm và tính toán trên bảng tính dễ dẫn đến nhầm lẫn do phải thực hiện nhập số liệu hai lần, cả vào bảng tính và phần mềm. Điều này dễ dẫn đến sai sót, gây khó khăn trong tính toán cho nhân viên, làm chậm tiến độ so với các phân hành khác đã được tự động.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty**

#### **3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty**

Mục tiêu của bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh nào cũng là tìm mọi cách để tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn, lao động một cách hiệu quả trên cơ sở tổ chức ngày càng hợp lý quá trình hạch toán chi phí sản xuất phát sinh. Từ đó cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý để kịp thời đưa ra các quyết định tối ưu, nhằm phân đầu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Chính vì vậy, hạch toán chi phí sản xuất phải luôn được hoàn thiện. Tuy nhiên, do đặc tính của chi phí sản xuất là vận động, thay đổi không ngừng đồng thời lại mang tính đa dạng của ngành nghề sản xuất và quá trình sản xuất nên công việc hoàn thiện quá trình hạch toán chi phí sản xuất là rất khó khăn. Nó đòi hỏi tính hợp lý và chính xác ở tất cả các giai đoạn trong quá trình sản xuất, các bộ phận sản xuất. Do vậy, việc hoàn thiện phải thực hiện được những nội dung sau:

- Tổ chức và luân chuyển chứng từ một cách hệ thống, có kế hoạch và hợp lý nhằm tạo điều kiện cho việc tổng hợp số liệu phục vụ yêu cầu quản lý.
- Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán chi phí thống nhất nhằm phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thông tin và kiểm tra công tác quản lý.

- Tổ chức lập báo cáo và phân tích báo cáo tài chính kịp thời, hữu hiệu cho việc điều chỉnh và đưa ra các quyết định quản lý cho phù hợp.

- Để làm được điều đó, hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều cần tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Nắm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán kế toán nói chung cũng như tổ chức hạch toán chi phí sản xuất nói riêng trong hệ thống quản lý tài chính của công ty.

- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng phải tuân theo chế độ, chính sách tài chính kế toán của nhà nước.

- Phải xuất phát từ đặc thù về tổ chức quản lý chi phí và yêu cầu cung cấp thông tin chi phí tại công ty.

- Kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng trí thức của con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung cũng như kế toán chi phí sản xuất nói riêng.

- Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty phải dựa trên kết quả đánh giá những tồn tại hiện nay trong công tác quản lý cũng như công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

### **3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều**

Mặc dù công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty cổ phần Đông Triều đã có nhiều cố gắng trong việc cải tiến đổi mới. Song bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục. Vì vậy, em xin nêu lên một số kiến nghị của mình về những hạn chế nêu trên:

#### **◆ Kiến nghị 1: Về công tác kiểm tra chi phí sản xuất**

Công ty cần phải tăng cường kiểm tra giá trị chi phí trên sổ sách và trên hiện vật. Đề ra các biện pháp xử lý để đảm bảo chính xác, hợp lý, hợp lệ có hiệu quả của chi phí.



- Kiểm tra trên sổ sách: Đối chiếu số liệu của các sổ có liên quan đến nhau sao cho khớp đúng, hợp lý. Đối chiếu số liệu của các phòng ban có liên quan. Kiểm tra so sánh các định mức kinh tế, kỹ thuật của các khoản chi phí. Việc kiểm tra này có thể tiến hành định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra bằng hiện vật: Thực hiện kiểm kê vật tư, tài sản một cách chính xác chặt chẽ. Từ đây tính toán chính xác được các chi phí về vật tư, tài sản đưa vào sản xuất, phát hiện được các sai lệch giữa thực tế và trên sổ sách.

Như vậy bằng công tác kiểm tra như trên sẽ đảm bảo chính xác, hợp lý, hợp lệ của chi phí đồng thời nâng cao ý thức tinh thần trách nhiệm của người sử dụng và quản lý chi phí.

Kiểm tra phải được thực hiện trước và sau khi chi:

+ Kiểm tra chi phí trước khi chi phải là xem xét hiệu quả chi phí trước khi chi: Biện pháp này cần được thực hiện nhất là đối với các chi phí phục vụ cho quản lý ở các phân xưởng và các phòng ban: vật liệu, dụng cụ văn phòng, chi phí công tác... Tại công ty năm 2010 chi phí này phát sinh lớn hơn nhiều so với năm 2009, nhưng hiệu quả không lớn hơn là bao nhiêu. Vì vậy phải xem xét hiệu quả chi phí để từ đó xác định chi bao nhiêu, chi như thế nào. Như vậy sẽ đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm, hợp lý của chi phí.

+ Kiểm tra chi phí sau khi chi đó là công tác kiểm tra bằng hiện vật và trên sổ sách như đã trình bày ở trên.

Đi đôi với việc kiểm tra là việc thực hiện thưởng phạt rõ ràng, nhằm xác định trách nhiệm vụ vật chất cụ thể, đồng thời khuyến khích người thực hiện làm tốt hơn. Việc kiểm tra này có ý nghĩa tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, xây dựng ý thức cho người thực hiện, quản lý chi phí.

#### ◆Kiến nghị 2: Về quản lý và luân chuyển chứng từ

Để giảm bớt công việc vào cuối tháng, công ty nên có quy định thời gian định kỳ để các nhân viên gửi chứng từ về phòng Tài chính kế toán ngắn hơn như có thể là định kỳ 5 ngày, 7 ngày hoặc 10 ngày.

Công ty cần quy định rõ trách nhiệm của nhân viên nếu không gửi chứng từ về phòng kế toán đúng thời gian quy định.

Có như vậy mới nâng cao được tinh thần trách nhiệm của nhân viên. Giúp khối lượng công việc của kế toán được phân chia đều trong tháng, tránh nhầm lẫn, sai sót trong hạch toán do khối lượng công việc dồn nhiều vào cuối tháng.

### ◆ Kiến nghị 3: Về giá trị sản phẩm hỏng

Như chúng ta đã biết dù cho quá trình sản xuất đơn giản hay phức tạp, dù cho trình độ của công nhân cao và có ý thức cẩn thận thì việc sản xuất ra sản phẩm hỏng hay những sản phẩm khuyết tật là điều không thể tránh khỏi. Sản phẩm hỏng là sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu sản xuất và không thể tiêu thụ trên thị trường được. Như vậy, hạch toán chi tiết sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất là rất quan trọng. Vì qua đó sẽ biết được chính xác tình hình chất lượng sản xuất sản phẩm, giá thành sản phẩm của công ty, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm giảm chi phí sản phẩm hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Sản phẩm hỏng trong công ty được chia thành 2 loại: sản phẩm hỏng trong định mức và sản phẩm hỏng ngoài định mức.

Nếu giá trị sản phẩm hỏng nằm trong định mức thì toàn bộ chi phí này được tính cho sản phẩm hoàn thành. Nếu giá trị này nằm ngoài định mức thì phải loại bỏ phần chi phí sản xuất sản phẩm hỏng khỏi giá thành sản phẩm hoàn thành như vậy mới tính chính xác giá thành sản phẩm.

- Đối với sản phẩm hỏng trong định mức: Tính giá trị sản phẩm hỏng và nhập kho phế phẩm theo định khoản:

Nợ TK 155	/	Giá trị sản phẩm hỏng
Có TK 154		

Thu tiền bán sản phẩm hỏng kế toán định khoản:

Nợ TK 111
Có TK 155

Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức, xác định người bồi thường, kế toán định khoản:

Nợ TK 111

Nợ TK 334

Có TK 154

#### ◆Kiến nghị 4: Về kế toán chi phí sản xuất

Với tình hình quản lý chi phí và giá thành sản phẩm gạch tại công ty như hiện nay và hướng phát triển trong tương lai thì việc nâng cao hơn nữa công tác quản lý chi phí là một vấn đề rất quan trọng. Khối lượng chi phí tại công ty ngày càng lớn vì vậy phải làm sao cho chi phí không những được quản lý chặt chẽ, hiệu quả mà còn đạt mục tiêu cuối cùng của công tác quản lý chi phí là tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

+ Về kế toán chi phí nguyên vật liệu: chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm vì vậy việc sử dụng tiết kiệm chi phí này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.

- Với các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán có thể theo dõi tình hình nhập xuất vật tư diễn ra hàng ngày nhưng chưa phản ánh được vật tư còn lại cuối kỳ. Nếu như vậy việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu là không chính xác. Hơn nữa còn làm tăng chi phí nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm.

Để hạch toán chính xác chi phí nguyên vật liệu, các nhân viên kinh tế ở các phân xưởng lập Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ. Mục đích là theo dõi nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ chưa sử dụng theo các chỉ tiêu số lượng, đơn giá, thành tiền. Số lượng vật tư tồn chia thành 2 trường hợp:

- Nếu vật tư không sử dụng thì lập phiếu nhập kho và nhập lại kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho trong kỳ, kế toán tiến hành nhập liệu vào máy theo định khoản:

Nợ 152:

Có 621:

- Nếu vật tư còn sử dụng tiếp thì bộ phận sử dụng lập Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ theo dõi tình hình tồn và sử dụng vật tư. Cuối kỳ căn cứ vào số

lượng vật tư còn lại cuối kỳ để ghi cột số lượng, đơn giá được ghi theo đơn giá của phiếu xuất kho vật tư đó. Cuối kỳ tính ra tiền, dòng tổng cộng tính ra tổng số tiền của tất cả nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ.

### **Biểu 3.1:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

### **BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU TỒN CUỐI KỲ**

*Tháng 12 / 2010*

Phân x- ởng:

STT	Tên vật t-	Mã vật t-	Đvt	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng						

+ Về kế toán chi phí nhân công:

Khoản chi phí này chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong giá thành sản phẩm. Do vậy, để tiết kiệm chi phí tiền lương trên một đơn vị sản phẩm Công ty cần xây dựng định mức lao động khoa học, hợp lý đến từng bộ phận phù hợp với các quy định mà nhà nước ban hành.

Bên cạnh việc xây dựng đơn giá tiền lương, công ty nên thường xuyên kiểm tra định mức lao động, tình hình bố trí lao động, tình hình tăng năng suất lao động và đảm bảo cho tốc độ tăng năng suất lao động phù hợp với tốc độ tăng thu nhập thực tế. Thêm vào đó, định kỳ bộ phận lao động tiền lương cần phối hợp với các bộ phận khác trong công ty tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch lao động tiền lương để phát hiện ra những bất hợp lý trong công tác quản lý lao động tiền lương tại công ty.

+ Về chi phí sản xuất chung:

Trong quản lý chi phí các chi phí điện thoại, điện nước, dịch vụ mua ngoài... xảy ra tình trạng chi phí phát sinh bao nhiêu chi bấy nhiêu làm chi phí sản xuất chung tăng lên, thất thoát không hiệu quả vì đây là khoản chi phí dễ bị

lạm dụng, khó kiểm soát. Cần xây dựng định mức khoán đối với từng khoản chi phí và tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo một mức hoặc một tỷ lệ khống chế theo tổng chi phí phát sinh.

Các khoản chi phí có chứng từ hợp lệ, phải gắn với kết quả kinh doanh và không được vượt quá mức khống chế tối đa theo tỷ lệ tính trên tổng doanh thu theo quy định của bộ tài chính. Như vậy tránh được tình trạng chi phí phát sinh bao nhiêu chi bấy nhiêu, có các định mức như vậy vừa là giới hạn để chi vừa giúp cho việc kiểm tra chi phí dễ dàng, xây dựng được ý thức tiết kiệm cho người thực hiện chi tiêu.

#### ◆**Kiến nghị 5: Về việc tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ**

Mục đích của kế toán là cung cấp thông tin thích hợp, kịp thời cho việc ra quyết định của nhà quản trị. Vì vậy, đối với kế toán quản trị, chi phí không chỉ nhận thức như chi phí trong kế toán tài chính, chi phí còn được nhận thức theo phương thức nhận diện thông tin ra quyết định. Tổ chức công tác tập hợp chi phí sản xuất phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, các khoản chi phí phải được nhận diện theo tiêu thức khác nhau.

Tại công ty, việc tập hợp chi phí đã được thực hiện tương đối đúng so với chế độ kế toán quy định, các chi phí phát sinh đều được xác định trên cơ sở chứng từ, tài liệu liên quan. Cuối kỳ, kế toán xác định giá thành của sản phẩm, xác định doanh thu, lợi nhuận và thuế phải nộp trong kỳ. Như vậy, tính giá thành cuối kỳ phần nào phản ánh việc quản lý chi phí và giá thành sản phẩm của công ty có hiệu quả kịp thời, cung cấp cho Ban giám đốc biết được chi phí cho từng loại sản phẩm hoàn thành là bao nhiêu. Tuy nhiên, có thể thấy giá thành là chỉ tiêu vừa mang tính chủ quan vừa mang tính khách quan. Do đó để phản ánh một cách toàn diện hơn, công ty nên tập hợp chi phí sản xuất theo chi phí cố định và chi phí biến đổi để cung cấp đầy đủ thông tin cho ban giám đốc. Việc nhận diện chi phí như thế có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng, lợi nhuận và đưa ra các quyết định của nhà quản trị.

◆ **Kiến nghị 6: Về việc tính phân bổ chi phí cho từng loại gạch**

Công ty nên sử dụng hệ số phân bổ để tiến hành phân bổ từng loại chi phí cho từng loại gạch:

$$\text{Hệ số (tỷ lệ) phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ cho tất cả các đối tượng}} \times 100\%$$

◆ **Kiến nghị 7: Về chương trình kế toán máy**

Doanh nghiệp nên cài đặt thêm phần mềm kế toán riêng để tính lương, tính giá thành và phân bổ chi phí cho từng loại gạch, liên kết với phần mềm Accounting tạo điều kiện cho việc tính giá thành thuận tiện, nhanh chóng và chính xác hơn.

Trên đây là những phương hướng nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, tăng cường công tác quản trị tại công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều. Tuy nhiên để thực hiện được những giải pháp trên, Công ty còn phải căn cứ vào nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Về phía nhà nước: Phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc thỏa mãn các yêu cầu kinh tế thị trường tại Việt Nam, tôn trọng và vận dụng có chọn lọc các chuẩn mực quốc tế về kế toán, phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ có tính phổ biến của kế toán các nước có nền kinh tế thị trường phát triển. Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Về phía các doanh nghiệp: Phải thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên kế toán để có thể kịp thời thay đổi tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình phù hợp với chế độ kế toán

## KẾT LUẬN

Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có ý nghĩa quyết định đến doanh thu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nên được các nhà quản lý hết sức quan tâm.

Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là nội dung không thể thiếu trong toàn bộ nội dung tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. Nó có ý nghĩa thiết thực giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp biết được thông tin hữu ích về chi phí, giá thành của từng hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất, xác định chính xác, kịp thời giá thành sản phẩm, một mặt là cơ sở để phấn đấu hạ giá thành sản phẩm, mặt khác là căn cứ để đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí và kết quả phấn đấu của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa đó, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng.

Khóa luận “Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều” đã đề cập giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận: đã đưa ra các vấn đề lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Về thực tiễn: Phản ánh được công tác hạch toán kế toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Viglacera Đông Triều trong năm 2010. Công ty đã tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch. Công ty luôn phấn đấu giảm chi phí sản xuất gạch để giảm giá thành. Tuy nhiên nếu khắc phục được một số thiếu sót nhất định trong công tác

kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thì công tác quản lý, phân đầu giảm giá thành của công ty sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

- Đối chiếu lý luận với thực tế của công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều, dựa trên phương pháp biện chứng, khóa luận đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch tại công ty. Các kiến nghị nêu ra ít nhiều đều có tính khả thi xuất phát từ tình hình thực tế để công ty tham khảo.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo. **TS Giang Thị Xuyên**, thầy cô giáo trong khoa kế toán, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều, đặc biệt các cô chú trong Phòng tài chính – kế toán đã tận tình hướng dẫn em trong quá trình thực tập, giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận của mình.

***Em xin chân thành cảm ơn!***



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Các bài khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán –Kiểm toán – Thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
2. Kế toán tài chính – TS.Phan Đức Dũng – Nhà xuất bản thống kê 2008.
3. 342 sơ đồ kế toán doanh nghiệp – TS.Hà Thị Ngọc Hà – Nhà xuất bản lao động – xã hội – Hà Nội 2006.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.
6. Website: [Webketoan.com](http://Webketoan.com).
7. Một số tài liệu liên quan do Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều.